

Số: 1315/QĐ-ĐHHL

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận hoàn thành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên
cho giáo viên thị xã Quảng Yên năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT, ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BGDĐT, ngày 05/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế BDTX giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Căn cứ Công văn số 5666/UBND-GD ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Hạ Long tổ chức BDTX, cấp chứng chỉ bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên THCS;

Căn cứ Quyết định số 2030/QĐ-SGDĐT ngày 24/9/2020 của Giám đốc Sở GD&ĐT về việc giao nhiệm vụ BDTX giáo viên mầm non, tiểu học, THCS;

Căn cứ kết quả các lớp bồi dưỡng thường xuyên giáo viên của Trường Đại học Hạ Long năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Giám đốc trung tâm Khoa học, Công nghệ và Bồi dưỡng cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận hoàn thành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên thị xã Quảng Yên năm học 2023-2024:

1. Nội dung 3 BDTX giáo viên Mầm non: 539 người.
2. Nội dung 3 BDTX giáo viên Tiểu học: 568 người.
3. Nội dung 3 BDTX giáo viên THCS: 438 người.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc trung tâm Khoa học, Công nghệ và Bồi dưỡng cán bộ, trưởng phòng Đào tạo, trưởng khoa Sư phạm và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Vỹ



DANH SÁCH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH
Giáo viên Mầm non học bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1315/QĐ-ĐHHL ngày 23/10/2024 của Trường Đại học Hạ Long)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị công tác	Điểm	Ghi chú
1	Mai Thị Thơm	18/09/1970	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
2	Nguyễn Minh Bảo	21/12/1985	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
3	Phạm Thị Kiên	02/01/1980	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
4	Cao Thị Thêu	06/10/1992	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
5	Phạm Thị Ngọc Thuyết	09/11/1974	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
6	Phạm Thị Khuê	24/03/1983	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
7	Đinh Thị Hằng	01/12/1973	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
8	Phạm Thị Lê Thủy	01/01/1982	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
9	Nguyễn Thị Thanh	04/02/1988	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
10	Bùi Thị Mơ	22/11/1992	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
11	Đặng Thị Thu Hường	06/08/1977	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
12	Lưu Thị Bích Thúy	29/09/1983	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
13	Phạm Thị Hạnh	18/07/1997	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
14	Đoàn Thị Thủy Huyền	26/04/1992	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
15	Dương Thị Hiền	27/04/1991	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
16	Trần Thị Thoa	05/05/1990	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
17	Vũ Thị Hoài	14/07/1980	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
18	Trần Hồng Minh	11/06/1992	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
19	Nguyễn Thị Lan	25/09/1979	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
20	Bùi Thị Hoa	02/02/1976	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
21	Đặng Thị Loan	10/11/1990	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
22	Phạm Thị Thu Vân	21/08/1976	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
23	Trịnh Thị Vương Oanh	11/02/1976	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
24	Nguyễn Thị Thu Khuyên	13/06/1988	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
25	Nguyễn Thị Kim Oanh	23/02/1998	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
26	Phạm Thị Diệu Thúy	14/07/1982	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
27	Bùi Thị Thu Hòa	28/09/1979	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
28	Phạm Thu Hằng	03/03/1976	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
29	Trần Thị Tươi	19/09/1980	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
30	Phạm Thị Thu Hà	16/03/1995	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
31	Vũ Thị Thu Hương	21/08/1993	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
32	Nguyễn Thị Thu Hà	24/04/1990	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
33	Nguyễn Thị Thêm	09/08/1989	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
34	Nguyễn Thị Hiền	08/10/1995	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
35	Trần Thị Phương	19/05/1994	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
36	Nguyễn Thị Phúc	09/09/1972	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
37	Hoàng Thị Lương	20/06/1986	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
38	Chu Thị Ninh	02/06/1999	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
39	Phạm Thị Thanh Hà	14/10/1998	Nữ	Trường MN Hoa Hồng	9.0	
40	Thắm Thu Diệp	12/7/1990	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
41	Nguyễn Thị Đức Hân	01/12/1990	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	

42	Đinh Thị Hoa	9/8/1985	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
43	Phạm Thị Hồng	02/8/1980	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
44	Nguyễn Thị Hương	01/10/1989	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
45	Nguyễn Thị Lương	26/01/1990	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
46	Bùi Thị Mên	26/3/1980	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
47	Lê Thị Sơn	12/3/1972	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
48	Phạm Thị Lệ Thủy	02/11/1982	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
49	Nguyễn Thị Thương	02/01/1983	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
50	Vũ Thị Yên	8/7/1991	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
51	Nguyễn Thị Chuyên	11/8/1992	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
52	Nguyễn Thị Thanh	21/11/1991	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
53	Ngô Thị Mương	23/11/1996	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
54	Tô Thị Hậu	06/01/1998	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
55	Bùi Thị Hương	28/10/1994	Nữ	Trường MN Yên Giang	9.0	
56	Nguyễn Thị Bưởi	29/5/1968	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
57	Lương Thị Châm	01/10/1992	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
58	Vũ Đăng Thùy Chi	02/04/1989	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
59	Đinh Thị Thu Dung	17/12/1990	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
60	Đinh Thị Thúy Dung	21/4/1984	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
61	Vũ Thị Thùy Dung	10/3/1992	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
62	Phạm Thị Ninh Giang	12/11/1987	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
63	Đặng Thị Hà	3/4/1993	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
64	Nguyễn Thị Hà	13/11/1977	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
65	Bùi Thị Hạnh	12/10/1982	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
66	Bùi Thị Thanh Hoa	07/12/1992	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
67	Đinh Thị Hoa	21/6/1985	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
68	Đinh Thị Thanh Hoa	26/12/1972	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
69	Phạm Thị Hoa	19/2/1991	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
70	Vũ Thị Hòa	17/7/1984	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
71	Vũ Thị Thu Hoài	20/12/1991	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
72	Đinh Thị Hồng	01/01/1985	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
73	Đàm Thị Huyền	07/11/1988	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
74	Nguyễn Thị Hường	23/3/1994	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
75	Trần Thị Hường	14/2/1990	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
76	Đinh Thị Lan	22/11/1990	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
77	Nguyễn Thị Liên	15/4/1968	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
78	Đàm Thị Linh	23/9/1991	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
79	Vũ Thị Phương Loan	18/11/1989	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
80	Vi Thị Lộc	01/12/1987	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.5	
81	Vũ Thị Mai	03/08/1996	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
82	Bùi Thị Mên	17/8/1992	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
83	Nguyễn Thị Minh	7/7/1989	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
84	Nguyễn Thị Mơ	05/04/1991	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
85	Vũ Thị Ngân	26/2/1992	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
86	Nguyễn Thị Trang Nhung	25/4/1994	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
87	Phạm Thị Nhung	05/10/1984	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
88	Đoàn Thị Thu Phương	19/1/1989	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	

89	Nguyễn Thị Minh Phương	04/10/1990	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
90	Phùng Thị Phượng	12/8/1981	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
91	Phạm Thị Quyên	14/5/1991	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
92	Bùi Thị Thanh	06/05/1992	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
93	Đinh Thị Vân	29/10/1989	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
94	Lê Thị Thêm	09/08/1986	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
95	Hoàng Thị Thêu	29/11/1991	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
96	Nguyễn Thị Thu Thương	18/12/1989	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
97	Nguyễn Thị Việt Trinh	20/4/1990	Nữ	Trường MN Hiệp Hòa	8.9	
98	Đinh Thị Thường	21/04/1980	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
99	Bùi Thanh Hải	20/04/1984	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
100	Nguyễn Thị Mì	24/05/1975	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
101	Bùi Thị Thu Diệu	06/06/1980	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
102	Nguyễn Thị Thủy	09/04/1973	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
103	Đào Thị Huệ	09/01/1985	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
104	Vũ Thị Hoàn	01/04/1980	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
105	Đinh Thị Bông Sen	05/11/1984	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
106	Phạm Thị Kim Thanh	16/11/1984	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
107	Đỗ Thị Huyền Trang	14/09/1987	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
108	Bùi Thị Cúc Loan	24/01/1985	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
109	Hoàng Thị Nhâm	28/01/1982	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
110	Ong Thị Phương Hà	12/12/1982	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
111	Nguyễn Thị Tuyết	17/11/1989	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
112	Bùi Thị Chon	05/09/1989	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
113	Nông Thị Ngân	26/10/1988	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
114	Nguyễn Thị Thanh Nga	13/11/1980	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
115	Vũ Thị Thảo	25/02/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
116	Hồ Thị Lan	07/08/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
117	Đinh Thị Thu Hà	12/01/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
118	Đào Thị Lý	05/07/1989	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
119	Nguyễn Thị Hồng Thủy	18/12/1982	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
120	Đinh Thị Năm	14/05/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
121	Nguyễn Thị Hòa	13/04/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
122	Bùi Thị Thùy Ninh	21/05/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
123	Phạm Thị Thảo	28/12/1984	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
124	Nguyễn Thị Minh	07/01/1992	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
125	Đinh Thị Hồi	04/04/1990	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
126	Hoàng Thị Vân	12/11/1993	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
127	Hồ Thị Thanh Thủy	20/01/1989	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
128	Đinh Thị Duyên	16/04/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
129	Lại Thị Ân	20/10/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
130	Bùi Hải Hằng	01/06/1987	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
131	Phạm Thị Hoàng Anh	07/05/1995	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
132	Đinh Thị Hòa	01/05/1995	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
133	Hà Thị Thu	24/06/1995	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
134	Đỗ Thị Hải	05/10/1997	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
135	Đinh Thị Quế	09/10/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	

136	Đinh Thị Vân	15/12/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
137	Đinh Thị Thu Vân	28/09/1985	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
138	Đinh Thị Phương	01/05/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
139	Đinh Thị Hiền	18/12/1995	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
140	Đặng Ngọc Mai	10/12/1993	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
141	Ngô Thị Tuyền	12/12/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
142	Trần Thị Tâm	04/10/1986	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
143	Lê Thị Thơm	13/12/1994	Nữ	Trường MN Sông Khoai	8.9	
144	Đoàn Văn Minh	21/9/1974	Nam	Trường MN Đông Mai	8.9	
145	Vũ Mai Hương	7/4/1992	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
146	Nguyễn Thị Hằng	19/7/1979	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
147	Hoàng Thị Thành	4/10/1992	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
148	Vũ Thị Ngọc Ánh	18/8/1998	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
149	Lương Thị Thúy Hà	3/6/1982	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
150	Mai Thị Hà	29/9/1994	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
151	Nguyễn Thị Lệ Quyên	3/7/1987	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
152	Lê Thị Thúy	10/5/1973	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
153	Đinh Thị Ngát	21/11/1982	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
154	Nguyễn Thị Thu Uyên	11/8/1985	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
155	Bùi Thị Hà	22/12/1994	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
156	Đoàn Thị Hạnh	14/3/1989	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
157	Nguyễn Thị Nhuận	23/9/1990	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
158	Đặng Thị Ly	7/1/1989	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
159	Hoàng Thị Thoa	20/6/1989	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
160	Đinh Thị Giáp Dần	14/4/1974	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
161	Hoàng Thị Luyến	13/11/1990	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
162	Dương Thị Thu	26/3/1970	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
163	Chu Thị Xuyên	8/10/1991	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
164	Điệp Thị Hiền	22/3/1991	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
165	Trần Thị Hoa	15/9/1992	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
166	Nguyễn Thị Loan	18/1/1991	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
167	Bùi Thị Hường	14/10/1972	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
168	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/8/1985	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
169	Đoàn Thị Hiếu	2/12/1991	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
170	Vũ Thị Kim Liên	19/3/1993	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
171	Vũ Thị Học	11/4/1989	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
172	Nguyễn Thị Miên	15/1/1984	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
173	Đặng Thị Hạnh	8/9/1991	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
174	Nguyễn Thị Lan Điệp	16/10/1988	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
175	Nguyễn Thị Nhung	8/11/1990	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
176	Lê Thị Yến Chi	3/3/1995	Nữ	Trường MN Đông Mai	8.9	
177	Nguyễn Thị Thu Hoa	2/3/1971	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
178	Hoàng Ngọc Anh	12/2/1985	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
179	Hoàng Thị Hoa	15/7/1983	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
180	Nguyễn Thị Phượng	15/9/1972	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
181	Đặng Thị Hồng Hạnh	11/3/1976	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
182	Phạm Thị Kiều Đan	19/11/1972	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	

183	Nguyễn Thị Huyền	29/7/1979	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
184	Trần Thị Chung	22/11/1980	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
185	Nguyễn Thị Hoàn	24/9/1983	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
186	Đào Thị Minh Hà	19/12/1987	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
187	Đoàn Thị Lý	20/7/1989	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
188	Lăng Thị Lệ Quỳnh	14/6/1989	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
189	Lăng Thị Thúy Vân	3/9/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
190	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	28/10/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
191	Nguyễn Thị Liên	17/2/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
192	Đinh Thị Nguyệt	4/11/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
193	Nguyễn Thị Lan Phương	19/9/1987	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
194	Trương Thị Ngân	5/9/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
195	Nguyễn Thị Huệ	24/6/1989	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
196	Vì Thị Thu Thúy	8/10/1978	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
197	Phạm Thị Thu Thúy	26/6/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
198	Nguyễn Thị Nhung	14/10/1991	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
199	Trần Thị Đào	23/5/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
200	Ngô Thị Hằng	16/9/1992	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
201	Nguyễn Thị Tú Uyên	8/3/1993	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
202	Lăng Thị Bích Hiền	8/11/1988	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
203	Đặng Thị Vui	28/4/1991	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
204	Nông Thị Hảo	27/11/1992	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
205	Hà Thị Thơm	22/12/1990	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
206	Trần Thị Thu Hiền	17/10/1979	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
207	Nguyễn Thị Hoa	5/10/1993	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
208	Phạm Thị Hoa	6/8/1996	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
209	Lăng Thị Thơm	6/9/1985	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
210	Nguyễn Thị Xuân Hòa	11/4/1992	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
211	Đinh Thị Nhung	10/10/1988	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
212	Ngô Thị Thu	8/12/1982	Nữ	Trường MN Minh Thành	9.0	
213	Ngọc Thị Uyên	6/12/1984	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
214	Bùi Thị Bích Hồng	25/8/1993	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
215	Đỗ Thị Hồng	28/2/1970	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
216	Đoàn Thị Năm	5/9/1991	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
217	Đàm Thị Hiền	25/6/1991	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
218	Đỗ Thị Thu Trang	26/4/1987	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
219	Vũ Thị Liễu	27/12/1974	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
220	Đỗ Thị Thanh Dung	21/5/1982	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
221	Trần Thị Hương Trà	24/5/1989	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
222	Đỗ Thị Thiện	16/11/1990	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
223	Phạm Thị Mỹ Hạnh	30/12/1978	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
224	Bùi Thị Hương	4/8/1991	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
225	Vũ Thị Thơm	7/11/1987	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
226	Mai Thị Hiền	01/02/1987	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
227	Bùi Thị Thúy Hằng	14/10/1982	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
228	Nguyễn Thị Thái Học	01/02/1980	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
229	Nguyễn Thị Tâm	27/9/1992	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	

230	Ngô Thị Mai Trang	22/7/1994	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
231	Bùi Thị Thu	4/12/1991	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
232	Vũ Thị Nguyệt	16/8/1993	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
233	Đinh Thị Thuận	6/5/1993	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
234	Nguyễn Thị Thu Trang	23/9/1994	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
235	Bùi Thị Diên	5/3/1987	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
236	Nguyễn Bích Hạnh	13/12/1981	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
237	Đinh Thị Hải Nam	24/10/1990	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
238	Nguyễn Thị Hồng	21/9/1990	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
239	Nguyễn Thị Ngà	10/2/1988	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
240	Lê Hồng Thúy	8/3/1991	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
241	Phạm Thị Hương Huế	16/11/1983	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
242	Khúc Thị Xuyên	15/3/1986	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
243	Nguyễn Thị Bưởi	1/1/1996	Nữ	Trường MN Cộng Hoà	9.0	
244	Phạm Thị Hương	29/07/1982	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
245	Bùi Thị Bích	28/10/1989	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
246	Trần Thị Hằng	12/11/1977	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
247	Nguyễn Thị Thảo	09/01/1990	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
248	Đoàn Thị Hoa	15/07/1978	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
249	Phạm Thị Thu Hương	30/07/1981	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
250	Phạm Thị Thư	07/12/1977	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
251	Nguyễn Thị Lưu	23/03/1986	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
252	Phạm Thị Mơ	10/03/1985	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
253	Nguyễn Thị Kim Hoa	19/10/1990	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
254	Đoàn Thị Thom	03/08/1991	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
255	Đỗ Thị Hằng	30/08/1994	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
256	Phạm Thị Kiên	03/11/1990	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
257	Vũ Thị Lan	03/02/1989	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
258	Phạm Thị Hà	13/07/1990	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
259	Đỗ Thị Nha	15/01/1974	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
260	Đinh Thị Hải Yến	27/02/1991	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
261	Vũ Thị Ngọc Ánh	13/08/1994	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
262	Vũ Thị Bích Hường	07/10/1985	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
263	Nguyễn Thị Mận	30/11/1993	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
264	Phạm Thị Thùy	20/03/1991	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
265	Đỗ Thị Thủy	23/11/1983	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
266	Lê Thị Ngoan	17/01/1976	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
267	Đoàn Thị Khuyến	06/09/1972	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
268	Nguyễn Thị Nguyệt	21/01/1991	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
269	Dương Thị Tú Quyên	21/11/1993	Nữ	Trường MN Tiền An	8.9	
270	Bùi Thị Linh Giang	04/05/1989	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
271	Phạm Thị Huyền Trang	03/05/1993	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
272	Nguyễn Thuý Ninh	04/12/1996	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
273	Vũ Thị Huyền	14/04/1992	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
274	Vũ Thị Chuyên	25/02/1992	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
275	Nguyễn Thị Lương	05/04/1988	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
276	Bùi Thị Phụng	25/10/1991	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	

277	Trần Thị Hồng Nhung	05/11/1991	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
278	Lê Thị Mái	23/11/1992	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
279	Bùi Thị Thuý Lân	05/02/1988	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
280	Trần Thị Kiều Oanh	02/03/1995	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
281	Lương Thị Hồng	28/07/1991	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
282	Hoàng Thị Thuý Huyền	18/09/1978	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
283	Hà Bích Hồng	19/05/1993	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
284	Vũ Thị Thắng	20/12/1982	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
285	Vũ Thị Huệ	23/04/1993	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
286	Hoàng Thị Hường	04/11/1986	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
287	Bùi Thị Thành	29/11/1989	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
288	Bùi Thị Mát	10/06/1985	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
289	Lê Thị Hiền	21/12/1987	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
290	Dương Thị Thuý	27/04/1987	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
291	Lê Thị Hồng Hạnh	02/06/1984	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
292	Bùi Thị Cúc	09/07/1989	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
293	Phạm Thị Hồng	17/11/1992	Nữ	Trường MN Tân An	9.0	
294	Vũ Thị Đài Trang	24/08/1992	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
295	Vũ Thị Sáu	01/01/1990	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
296	Vũ Thị Hương	19/02/1990	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
297	Nguyễn Ánh Tuyết	23/11/1981	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
298	Bùi Thị Nguyệt Ánh	18/11/1994	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
299	Bùi Thị Thắm	12/11/1978	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
300	Vũ Thị Toan	14/12/1973	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
301	Nguyễn Thị Thu Thủy	13/01/1991	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
302	Bùi Thị Bích Hường	23/06/1989	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
303	Lương Thị Diệp	16/10/1991	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
304	Dương Thị Dần	14/07/1969	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
305	Trần Thị Liên	01/11/1991	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
306	Ngô Thị Thanh Hà	31/01/1995	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
307	Ngô Thị Bích Ngọc	18/05/1990	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
308	Nguyễn Thị Thúy	27/02/1986	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
309	Vũ Thị Hiền	23/01/1992	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
310	Dương Thị Tuyết Mai	04/04/1994	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
311	Dương Thị Hoa	10/12/1987	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
312	Lê Thị Vui	16/10/1990	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
313	Hoàng Thị Hương	24/07/1974	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
314	Ngô Thị Chi	25/10/1992	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
315	Ngô Thị Đảm	16/11/1975	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
316	Vũ Thị Hải	16/06/1987	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
317	Nguyễn Thị Sang	23/07/1971	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
318	Ngô Thị Hương	15/03/1982	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
319	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/02/1994	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
320	Ngô Thị Ánh Nguyệt	14/01/1988	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
321	Nguyễn Thị Lộc	26/03/1977	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
322	Vũ Thị Thúy	31/07/1974	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
323	Doãn Thị Thơ	20/12/1988	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	

324	Vũ Thị Giang	25/10/1989	Nữ	Trường MN Hà An	9.0	
325	Nguyễn Thị Tươi	29/8/1992	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
326	Nguyễn Thị Thu Ngân	26/10/1991	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
327	Đoàn Hải Anh	15/9/1991	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
328	Nguyễn Thị Đức Hạnh	21/8/1983	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
329	Nguyễn Thị Huyền	20/2/1993	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
330	Trương Thị My	15/7/1984	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
331	Phạm Thị Tâm	16/1/1990	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
332	Nguyễn Thị Quyết	29/4/1977	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
333	Hà Thị Thanh Thủy	16/11/1989	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	8.9	
334	Đỗ Thị Thương	8/3/1990	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
335	Đinh Thị Hải	20/12/1991	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
336	Lê Thị Bích Nhụ	4/6/1990	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
337	Đỗ Thị Ngọc Diễm	15/8/1989	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
338	Đinh Thị Huê	24/2/1980	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
339	Nguyễn Thị Dịu	6/2/1985	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
340	Trần Thị Duyên	10/2/1989	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
341	Cao Thị Nguyên	20/8/1973	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
342	Bùi Thị Nha Trang	19/3/1987	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
343	Nguyễn Thị Thu Yến	05/7/1998	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
344	Phạm Thị Quyên	11/01/1998	Nữ	Trường MN Hoàng Tân	9.0	
345	Nguyễn Thị Hải	26/1/1988	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
346	Đỗ Thị Nguyệt	17/1/1990	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
347	Đỗ Thị Liên	3/10/1991	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
348	Lê Thị Hoa	12/8/1993	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
349	Đỗ Thị Giang	6/2/1995	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
350	Đỗ Thị Hương	12/10/1977	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
351	Lê Thị Mai	20/10/1985	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
352	Hoàng Thị Khánh Ly	8/3/1993	Nữ	Trường MN Tiên Phong	9.0	
353	Phạm Mai Hiền	10/3/1980	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
354	Đàm Thị Thùy Trang	23/2/1990	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
355	Vũ Thị Lệ	20/10/1992	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
356	Phạm Minh Thu	29/3/1989	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
357	Nguyễn Thị Hải	27/9/1977	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
358	Nguyễn Thị Định	24/6/1983	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
359	Đinh Thị Nga	25/8/1993	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
360	Vũ Thị Tươi	22/4/1969	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
361	Phạm Thị Tâm Anh	20/1/1982	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
362	Phạm Thị Huệ	27/7/1981	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
363	Bùi Thị Hằng	1/1/1992	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
364	Bùi Thị Thùy Lê	12/5/1994	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
365	Vũ Thị Cúc	7/9/1992	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
366	Trần Thị Hiền	25/1/1985	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
367	Lê Thị Kim Dung	10/11/1992	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
368	Phạm Thị Thảo	12/4/1990	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
369	Bùi Thị Trang	10/5/1986	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	

370	Vũ Thị Huyền	15/7/1991	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
371	Ngân Thị Minh	22/12/1987	Nữ	Trường MN Nam Hòa	9.0	
372	Phạm Thị Hoa	16/2/1986	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
373	Nguyễn Thu Hương	20/02/1993	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
374	Hoàng Thị Thanh Huyền	04/12/1979	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
375	Dương Thị Tuyền	04/09/1994	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
376	Vũ Thị Linh	06/01/1992	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
377	Lê Thị Nhụ	25/8/1987	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
378	Vũ Thị Hòa	07/07/1984	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
379	Lê Thị Dịu	18/2/1980	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
380	Dương Thị Hoa	29/12/1990	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
381	Nguyễn Thị Thảo	08/08/1985	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
382	Nguyễn Thị Thảo	14/12/1994	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
383	Dương Thị Máy	21/6/1978	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
384	Dương Thị Ngoan	10/01/1991	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
385	Dương Thị Huệ	15/9/1986	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
386	Phạm Thị Thu Thủy	25/10/1987	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
387	Phạm Thị Thoa Chiêu	27/8/1992	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
388	Nguyễn Thị Lương	05/06/1971	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
389	Nguyễn Thị Yến	05/02/1978	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
390	Vũ Thị Ngân	28/4/1993	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
391	Lương Thị Lan	04/09/1986	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
392	Bùi Thị Hường	20/8/1987	Nữ	Trường MN Cẩm La	9.0	
393	Vũ Thị Lý	18/12/1988	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
394	Nguyễn Thị Thanh Trà	25/8/1977	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
395	Vũ Thị Thanh Thủy	13/4/1977	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
396	Nguyễn Thị Mến	14/4/1989	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
397	Nguyễn Thị Miến	5/5/1989	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
398	Bùi Thị Nghĩa	15/7/1989	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
399	Nguyễn Thu Hương	9/3/1982	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
400	Ngô Thị Bẩy	20/1/1987	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
401	Triệu Thị Oanh	14/11/1991	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
402	Vũ Thị Thủy	23/1/1989	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
403	Vũ Thị Bẩy	29/3/1971	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
404	Nguyễn Thị Hương	30/7/1993	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
405	Phạm Thị Quyên	5/12/1991	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
406	Dương Thị Phượng	20/7/1991	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
407	Trần Thị Kim Thanh	5/9/1990	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
408	Đỗ Thị Hương	8/9/1989	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
409	Nguyễn Thị Liên	18/7/1993	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
410	Vũ Thị Nguyệt	20/1/1992	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
411	Nguyễn Thị Ngoan	24/1/1994	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
412	Vũ Thị Nga	8/2/1983	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
413	Đàm Thị Dịu	25/3/1996	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
414	Nguyễn Thị Linh	11/08/1994	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
415	Phạm Thị Thu Trang	5/12/1986	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
416	Lê Thị Hương	25/8/1991	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	

417	Đỗ Thị Hoa	09/09/1999	Nữ	Trường MN Yên Hải	8.9	
418	Bùi Thị Dung	29/6/1990	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
419	Nguyễn Thị Mừng	3/7/1990	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
420	Lê Thị Hà	10/1/1986	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
421	Lê Kim Liên	5/6/1984	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
422	Lê Thị Hoàn	26/3/1993	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
423	Cao Thuỳ Dương	20/8/1988	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
424	Lê Thị Uyên	23/2/1980	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
425	Bùi Thị Thêm	23/2/1979	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
426	Nguyễn Thị Vui	9/3/1979	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
427	Ngô Thị Xoan	16/2/1993	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
428	Nguyễn Thị Hằng	29/12/1993	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
429	Bùi Thị Thường	23/12/1982	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
430	Lê Thị Thương	9/1/1990	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
431	Lê Thị Hải	19/5/1971	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
432	Ngô Thị Mùa	20/8/1989	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
433	Nguyễn Thị Ngọc Bích	4/5/1985	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
434	Nguyễn Thị Thuý	9/1/1989	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
435	Phạm Thị Ngọc	12/9/1989	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
436	Bùi Thị cẩm Chi	4/10/1985	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
437	Ngô Thị Khuâng	27/12/1986	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
438	Phạm Thị Hồi	24/2/1987	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
439	Bùi Thị Trang	12/5/1993	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
440	Ngô Thị Huệ	17/10/1984	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
441	Phạm Thị Nhân	20/4/1990	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
442	Trần Thị Liệu	7/9/1968	Nữ	Trường MN Phong Hải	9.0	
443	Vũ Thị Oanh	19/7/1993	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
444	Lê Thị Doanh	13/7/1990	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
445	Ngô Thị Ngọc	24/3/1990	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
446	Đỗ Thị Miên	19/8/1991	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
447	Nguyễn Hà Phương	14/8/1994	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
448	Vũ Thị Trang	2/9/1992	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
449	Nguyễn Thị Thuý	30/9/1988	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
450	Nguyễn Thị Huyền	11/2/1991	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
451	Phạm Thị Thủy	31/8/1997	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
452	Ngô Thị Toàn	26/2/1978	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
453	Phùng Thị Hoài	30/11/1991	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
454	Cao Thị Hảo	24/07/1987	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
455	La Thị Đường	17/5/1990	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
456	Bùi Thị Huệ	22/1/1993	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
457	Nguyễn Thị Thỏ	21/7/1990	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
458	Trần Thị Hoa	5/2/1994	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
459	Vũ Thị Thảo	28/6/1991	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
460	Ngô Thị Nhung	12/7/1991	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
461	Ngô Thu Hằng	28/1/1990	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
462	Hoàng Thị Thịnh	8/11/1995	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
463	Đặng Thị Thùy Dung	3/7/1992	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	

464	Lê Thị Xiêm	19/12/1994	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
465	Bùi Thị Cúc	10/7/1991	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
466	Vũ Thị Nhiên	16/12/1968	Nữ	Trường MN Phong Cốc	9.0	
467	Vũ Thị Ngắm	10/10/1972	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
468	Hà Thị Thế Dung	15/4/1973	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
469	Nguyễn Thị Hiên	26/11/1978	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
470	Cao Lệ Hà	9/11/1981	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
471	Vũ Thị Thuý	12/6/1985	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
472	Nguyễn Thuý Liên	16/3/1989	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
473	Nguyễn Thị Hoa	1/9/1990	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
474	Đỗ Thị The	12/2/1989	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
475	Lê Thị Thương	27/1/1990	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
476	Vũ Thị Yên	2/2/1988	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
477	Trần Thị Tiệp	9/9/1991	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
478	Đào Thị Xoan	10/12/1988	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
479	Đỗ Thị Hồng	10/7/1991	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
480	Phạm Thị Hảo	12/3/1992	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
481	Hoàng Thị Phượng	10/10/1992	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
482	Nguyễn Thị Hoa	21/1/1992	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
483	Đào Thị Vân	27/5/1993	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
484	Vũ Thị Nga	31/10/1993	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
485	Nguyễn Thị Quyên	14/10/1992	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
486	Nguyễn Thị Huyền	23/2/1994	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
487	Nguyễn Thị Hậu	10/5/1993	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
488	Lê Thị Thêm	15/3/1995	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
489	Lê Thị Thêm	17/10/1993	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
490	Nguyễn Thị Hường	4/8/1985	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
491	Cao Thị Hệ	25/1/1989	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
492	Đặng Thanh Thủy	31/10/1992	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
493	Phạm Thị Ngọc Trâm	6/6/1995	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
494	Phạm Thị Hồng	31/10/1978	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
495	Trịnh Hồng Loan	24/4/1999	Nữ	Trường MN Liên Hòa	8.9	
496	Trần Thị Cúc	10/04/1987	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
497	Lê Thị Chang	21/02/1989	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
498	Đàm Thị Dinh	10/10/1989	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
499	Phạm Thị Thùy Dương	30/11/1982	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
500	Hoàng Thị Hạnh	26/06/1989	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
501	Lê Thị Nguyệt	16/6/1977	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
502	Lê Thị Thu Hảo	04/04/1987	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
503	Đỗ Thị Hòa	16/10/1991	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
504	Lê Thị Hoài	02/08/1992	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
505	Bùi Ngọc Huyền	17/12/1997	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
506	Lê Thị Hương	12/07/1992	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
507	Phạm Thị Hương	20/02/1987	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
508	Ngô Thị Kim	28/12/1991	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
509	Phan Thị Khuyên	02/06/1987	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
510	Lê Thị Lan	10/07/1969	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	

511	Hoàng Thị Luyện	13/10/1993	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
512	Cao Thị Ngọc Ly	18/04/1990	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
513	Hoàng Thị Ly	20/02/1986	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
514	Lê Thị Mên	20/02/1981	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
515	Cao Thị Trà My	22/05/1991	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
516	Phạm Thị Nhíp	20/06/1986	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
517	Lê Đan Quế	07/09/1994	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
518	Trần Thị Thanh Tuyền	21/08/1992	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
519	Hoàng Thị Thảo	25/09/1995	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
520	Vũ Thị Thảo	03/09/1992	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
521	Nguyễn Thị Việt Thoa	25/09/1994	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
522	Vũ Thùy Trang	15/11/1994	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
523	Nguyễn Thị Vân	19/02/1980	Nữ	Trường MN Liên Vị	9.0	
524	Dương Thị Lê	27/11/1993	Nữ	MN Quảng Yên	9.0	
525	Phạm Thị Kim Ngân	22/10/1999	Nữ	MN Quảng Yên	9.0	
526	Lục Thị Hoan	25/12/1993	Nữ	MN Quảng Yên	9.0	
527	Lê Thị Phương Huyền	18/11/1999	Nữ	MN Quảng Yên	9.0	
528	Đỗ Thị Huyền	22/10/1999	Nữ	MN Quảng Yên	9.0	
529	Nguyễn Thị Chuyên	09/02/1993	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
530	Nguyễn Thị Tư Hậu	17/08/1996	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
531	Trương Thị Hương	20/02/1997	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
532	Triệu Thị Chăng	04/08/1994	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
533	Nguyễn Thùy Trang	07/02/1993	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
534	Lê Thị Hương	18/12/1993	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
535	Tô Lan Phương	17/08/1997	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
536	Bùi Thị Thảo	14/03/1988	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
537	Cao Thị Thanh Nhân	24/06/1996	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
538	Đặng Thanh Ngân	26/05/2000	Nữ	MN Vân Anh	9.0	
539	Vũ Thị Yên	11/07/2000	Nữ	MN Vân Anh	9.0	

Ấn định danh sách 539 học viên ./.

DANH SÁCH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH

Giáo viên Tiểu học học bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1315/QĐ-ĐHHL ngày 23/10/2024 của Trường Đại học Hạ Long)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Đơn vị công tác	Điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh	23/10/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
2	Nguyễn Thị Yên	08/10/1985	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
3	Nguyễn Thị Gọn	18/10/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
4	Bùi Thị Đông	23/3/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
5	Vũ Thị Giang	27/5/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
6	Vũ Thị Bích Hương	5/1/1975	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
7	Nguyễn Thị Khuyên	4/7/1975	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
8	Phạm Thị Khuyên	22/7/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
9	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	8/11/1976	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
10	Vũ Thị Thanh Hòa	18/2/1985	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
11	Nguyễn Thị Bích Hồng	5/4/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
12	Nguyễn Thị Thảo	20/9/1989	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
13	Tổng Thị Hòa	05/05/1990	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
14	Bùi Thị Lê Thủy	08/07/1980	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
15	Ngô Thị Minh Thùy	7/2/1985	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
16	Bùi Thị Dung	20/12/1984	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
17	Bùi Đức Dương	22/2/1978	Nam	TH Hiệp Hòa	8.0	
18	Nguyễn Thị Thanh Mai	26/02/1975	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
19	Phạm Thị Hoàng Ngân	8/10/1985	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
20	Bùi Thị Loan	12/11/1977	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
21	Đinh Đại Nghĩa	2/12/1979	Nam	TH Hiệp Hòa	8.0	
22	Đinh Thị Hiến	14/9/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
23	Đinh Thị Huyền	3/12/1984	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
24	Đỗ Hồng Thắm	25/7/1989	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
25	Lê Anh Đức	6/12/1989	Nam	TH Hiệp Hòa	8.0	
26	Nguyễn Thị Dậu	22/3/1981	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
27	Nguyễn Thị Thơm	20/1/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
28	Nguyễn Thị Thương	5/4/1989	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
29	Nguyễn Thị Thùy Dương	7/11/1989	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
30	Nguyễn Thị Tố Uyên	23/7/1974	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
31	Phạm Thị Nhung	6/5/1997	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
32	Tô Thị Thu Hà	28/7/1996	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
33	Vũ Thị Loan	27/5/1987	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
34	Đặng Thị Hồng Hạnh	22/05/1984	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
35	Vũ Thị Thúy	18/11/1979	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	

36	Nguyễn Thị Kim Sen	07/12/1975	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
37	Vũ Thị Thuỳ Lý	24/07/1992	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
38	Đinh Thị Hương Thơm	13/5/1985	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
39	Lê Mạnh Tuấn	07/02/1985	Nam	TH Hiệp Hòa	8.0	
40	Hoàng Thị Thu Thủy	24/4/1976	Nữ	TH Hiệp Hòa	8.0	
41	Bùi Thị Vân	29/4/1977	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
42	Đào Thị Tuyết Mai	26/3/1988	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
43	Đinh Thị Bích Ngọc	28/8/1980	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
44	Đỗ Thị Hương Lý	1/10/1971	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
45	Đoàn Thị Thanh Thúy	6/2/1980	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
46	Dương Thái Cảnh	18/2/1985	Nam	TH Ngô Quyền	8.0	
47	Hoàng Thị Bích Ngọc	16/1/1988	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
48	Lê Thị Hà	9/1/1981	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
49	Lê Thị Hoàn	16/2/1980	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
50	Lương Thị Minh Hà	22/1/1978	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
51	Lương Thị Thanh Hương	2/12/1974	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
52	Nguyễn Thế Mạnh	7/10/1988	Nam	TH Ngô Quyền	8.0	
53	Nguyễn Thị Huế	22/10/1979	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
54	Nguyễn Thị Huệ Trang	24/7/1988	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
55	Nguyễn Thị Mai	2/2/1988	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
56	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	14/11/1977	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
57	Nguyễn Thị Thắm	28/10/1987	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
58	Nguyễn Thị Chấn	18/01/1987	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
59	Nguyễn Thị Thanh Vân	1/2/1978	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
60	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/8/1978	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
61	Nguyễn Thị Uyên	6/11/1988	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
62	Nguyễn Thị Yến	16/6/1982	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
63	Phạm Anh Sơn	9/10/1986	Nam	TH Ngô Quyền	8.0	
64	Phạm Thị Duy	27/12/1978	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
65	Phạm Thị Thu Thủy	23/9/1977	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
66	Trần Thị Hiền Minh	18/5/1980	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
67	Trần Thị Năm	5/7/1977	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
68	Vũ Thị Loan	12/12/1987	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
69	Vũ Thị Thảo	31/3/1989	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
70	Vũ Thị Thúy Ninh	24/9/1984	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
71	Vũ Thoa Thoa	18/8/1979	Nữ	TH Ngô Quyền	8.0	
72	Bùi Thị Thúy	19/3/1985	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
73	Đàm Thị Nghĩa	27/10/1980	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
74	Đỗ Thị Yến Thanh	28/9/1994	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
75	Hoàng Thị Mai	12/8/1988	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	

76	Ngô Thị Luyến	25/1/1980	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
77	Nguyễn Bích Huyền	1/5/1985	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
78	Nguyễn Đăng Phương	24/4/1987	Nam	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
79	Nguyễn Thị Thảo	26/12/1992	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
80	Phạm Thị Thêu	7/9/1983	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
81	Trần Thị Hải Ly	23/5/1991	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
82	Trần Thị Hạnh	16/9/1993	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
83	Trần Thị Hường	19/03/1983	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
84	Trương Thị Bích Tuyết	30/4/1995	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
85	Vũ Thị Dịu	27/1/1987	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
86	Nguyễn Thanh Bình	14/08/1985	Nam	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
87	Vũ Thị Nguyên	13/01/1978	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
88	Bùi Thị Hồng	14/11/1984	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
89	Bùi Thị Thảo	17/11/1988	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
90	Cao Thị Nguyệt Quỳnh	26/4/1969	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
91	Dương Thị Ngoan	12/11/1986	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
92	Lê Hùng Vương	19/7/1981	Nam	TH Nam Hòa	8.0	
93	Lê Thị Cúc	23/12/1988	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
94	Lê Thị Oanh	10/5/1988	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
95	Ngô Thị Loan	19/12/1995	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
96	Nguyễn Thanh Hoa	13/5/1993	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
97	Nguyễn Thị Hồng Loan	11/12/1988	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
98	Nguyễn Thị Huyền	23/6/1989	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
99	Nguyễn Thị Lan	25/9/1987	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
100	Nguyễn Thị Quý	5/4/1991	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
101	Nguyễn Thị Thu Hương	04/8/1980	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
102	Nguyễn Thị Tuyền	19/5/1988	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
103	Phạm Thị Khanh	17/7/1986	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
104	Phạm Thị Mai Hương	15/7/1990	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
105	Thái Thị Hải Yến	1/2/1988	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
106	Thắm Thị Thúy Phượng	19/5/1977	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
107	Trần Thị Hồng Nhung	5/5/1985	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
108	Trần Thị Thùy Linh	1/7/1984	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
109	Vũ Thị Hoàng Quyên	28/6/1982	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
110	Vũ Thị Liên	21/4/1987	Nữ	TH Nam Hòa	8.0	
111	Vũ Văn Lịch	15/10/1988	Nam	TH Nam Hòa	8.0	
112	Bùi Thị Đỏ	23/5/1987	Nữ	TH Hà An	8.0	
113	Bùi Thị Hiên	18/3/1980	Nữ	TH Hà An	8.0	
114	Bùi Thị Huyền	5/10/1986	Nữ	TH Hà An	8.0	
115	Bùi Thị Phúc	6/3/1975	Nữ	TH Hà An	8.0	

116	Bùi Thị Trang	23/9/1987	Nữ	TH Hà An	8.0	
117	Đàm Thị Hoa	23/3/1987	Nữ	TH Hà An	8.0	
118	Đàm Thị Kim Huế	10/11/1990	Nữ	TH Hà An	8.0	
119	Đàm Thị Quỳnh Trang	4/6/1988	Nữ	TH Hà An	8.0	
120	Đặng Thị Mai Hương	24/11/1980	Nữ	TH Hà An	8.0	
121	Đinh Thị Hải Yến	24/11/1987	Nữ	TH Hà An	9.0	
122	Đồng Thị Liễu	29/10/1987	Nữ	TH Hà An	8.0	
123	Dương Thu Hằng	4/10/1979	Nữ	TH Hà An	8.0	
124	Lâm Thị Thanh Hương	1/12/1988	Nữ	TH Hà An	8.0	
125	Ngô Thị Hằng	09/01/1981	Nữ	TH Hà An	8.0	
126	Nguyễn Thị Hoài Thanh	23/3/1989	Nữ	TH Hà An	8.0	
127	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/8/1988	Nữ	TH Hà An	8.0	
128	Nguyễn Thị Ngọc Lan	28/1/1989	Nữ	TH Hà An	8.0	
129	Nguyễn Thị Thức	28/12/1985	Nữ	TH Hà An	8.0	
130	Nguyễn Thị Trang	26/2/1989	Nữ	TH Hà An	8.0	
131	Phạm Lâm Oanh	8/11/1994	Nữ	TH Hà An	8.0	
132	Phạm Thị Hoàng Thoáng	25/11/1990	Nữ	TH Hà An	8.0	
133	Phạm Thị Hương	1/11/1987	Nữ	TH Hà An	8.0	
134	Phạm Thị Thanh Mừng	28/11/1984	Nữ	TH Hà An	8.0	
135	Phạm Thị Thủy	18/5/1983	Nữ	TH Hà An	8.0	
136	Trần Thị Mai Hương	25/5/1986	Nữ	TH Hà An	8.0	
137	Trịnh Thu Hương	2/7/1985	Nữ	TH Hà An	8.0	
138	Vũ Thị Bích Thủy	18/11/1983	Nữ	TH Hà An	8.0	
139	Vũ Thị Mai	02/05/1989	Nữ	TH Hà An	8.0	
140	Phạm Thị Phượng	30/09/1986	Nữ	TH Hà An	8.0	
141	Nguyễn Thị Thanh Huyền	15/10/1998	Nữ	TH Hà An	8.0	
142	Nguyễn Thị Thanh Xuân	08/06/1995	Nữ	TH Hà An	8.0	
143	Bùi Thị Hiền	20/04/1987	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
144	Nguyễn Thu Hằng	27/3/1985	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
145	Phạm Thị Thu Hạnh	20/01/1991	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
146	Nguyễn Thị Thu	16/09/1980	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
147	Dương Thị Hoa	09/09/1982	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
148	Nguyễn Thị Lan	30/12/1979	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
149	Bùi Việt Hiếu	07/06/1986	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.0	
150	Vũ Thị Phượng	16/10/1989	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
151	Bùi Thị Yến Thảo	12/03/1988	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
152	Lê Mai Khang	25/11/1986	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
153	Nguyễn Thị Chanh	17/12/1985	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
154	Dương Đình Thư	27/04/1986	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.0	
155	Vũ Văn Ba	03/03/1985	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.0	

156	Hoàng Thị Thu Hòa	17/08/1980	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
157	Phạm Thị Thu Hoài	25/4/1982	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
158	Hoàng Vũ Khánh	15/02/1978	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.0	
159	Vũ Thị Huyền	1/3/1983	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
160	Dương Thị Hà	31/08/1988	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
161	Ngô Thị Loan	4/1/1989	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
162	Bùi Công Thức	16/7/1989	Nam	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
163	Bùi Thị Huệ	2/8/1985	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
164	Bùi Thị Ngọc Lan	5/11/1973	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
165	Đào Thị Hường	11/6/1983	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
166	Đoàn Thị Yến	30/7/1988	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
167	Hoàng Thị Thắm	23/11/1991	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
168	Lê Thị Trang	15/7/1987	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
169	Ngô Thị Lan	6/1/1989	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
170	Nguyễn Thị Len	8/7/1987	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
171	Nguyễn Thị Thu Dung	4/8/1988	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
172	Nguyễn Thị Thu Hường	23/11/1987	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
173	Đỗ Thị Lý	15/02/1980	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
174	Đinh Thị Liên	25/03/1986	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
175	Nguyễn Thị Tươi	16/12/1992	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
176	Phạm Thị Mai Hương	17/6/1981	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
177	Phạm Thị Thắm	18/10/1983	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
178	Phạm Thị Thanh Trà	24/10/1987	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
179	Phạm Thị Thương Thương	19/1/1985	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
180	Phạm Thị Thủy	13/11/1987	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
181	Dương Thị Diệp	04/10/1979	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
182	Trần Hồng Phượng	02/11/1986	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
183	Trần Thị Hồng	09/10/1987	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
184	Trần Thị Thủy	05/03/1979	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	8.0	
185	Vũ Thị Diễm Hằng	06/03/1979	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
186	Vũ Thị Thu	28/10/1991	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
187	Vũ Thị Thương	1/11/1988	Nữ	TH Nguyễn Văn Thuần	9.0	
188	Đỗ Thị Thêm	26/3/1973	Nữ	TH Đông Mai	9.0	
189	Hoàng Thị Thắm	10/1/1973	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
190	Nguyễn Thị Thu Hương	19/12/1987	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
191	Nguyễn Thị Tuyết Mai	20/5/1981	Nữ	TH Đông Mai	9.0	
192	Bùi Thị Bích Dung	16/5/1972	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
193	Bùi Thị Hải Yến	23/7/1983	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
194	Bùi Thị Hoa Mai	3/3/1976	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
195	Đặng Thị Kim Thanh	6/8/1974	Nữ	TH Đông Mai	9.0	

196	Đồng Văn Hưng	17/10/1978	Nam	TH Đông Mai	8.0	
197	Hà Thị Anh	15/10/1979	Nữ	TH Đông Mai	9.0	
198	Hoàng Anh Chi	24/8/1985	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
199	Lê Chánh Tín	30/4/1988	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
200	Lê Thị Bích Hường	25/8/1972	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
201	Lê Thị Hiền	8/9/1979	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
202	Nguyễn Thị Hằng	20/2/1974	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
203	Nguyễn Thị Hoa	4/10/1980	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
204	Nguyễn Thị Hương	30/10/1982	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
205	Nguyễn Thị Nga	22/6/1975	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
206	Phạm Thị Hiến	10/10/1974	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
207	Phạm Thị Hiền	4/10/1974	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
208	Phạm Thị Hiếu	11/9/1979	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
209	Phạm Thị Phượng	14/3/1973	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
210	Phạm Thị Thảo	23/10/1978	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
211	Phạm Thị Thu Thủy	4/12/1976	Nữ	TH Đông Mai	9.0	
212	Trần Thị Hương	19/3/1971	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
213	Trần Thị Huyền	27/10/1980	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
214	Trần Thị Linh	22/4/1988	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
215	Trần Thị Thanh Vân	17/3/1974	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
216	Trần Thị Thế	20/9/1976	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
217	Trần Thị Yến	3/4/1986	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
218	Trương Thị Huệ	25/11/1976	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
219	Vũ Thị Bình An	2/9/1980	Nữ	TH Đông Mai	9.0	
220	Nguyễn Thị Hiền	06/01/1982	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
221	Nguyễn Thị Hà	02/01/1992	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
222	Vũ Thị Thanh Thủy	17/6/1987	Nữ	TH Đông Mai	8.0	
223	Bùi Thị Kim Anh	12/6/1985	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
224	Đinh Sơn Thủy	21/4/1976	Nam	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
225	Đinh Thị Liên	12/2/1987	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
226	Đinh Thị Nga	18/1/1985	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
227	Đinh Thị Phương	10/9/1989	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
228	Dương Thị Hè	20/5/1981	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
229	Lê Thị Huệ Anh	13/2/1982	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
230	Nguyễn Thị Hà Thu	25/10/1985	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
231	Nguyễn Thị Lan Anh	11/12/1975	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
232	Nguyễn Thị Thắm	16/9/1978	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
233	Nguyễn Thị Thủy	7/8/1979	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
234	Nguyễn Thùy Giang	18/12/1992	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
235	Trần Thị Thảo	16/10/1979	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	

236	Trần Thị Thùy	20/6/1988	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
237	Vũ Thị Thoa	30/08/1989	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
238	Đào Văn Tý	28/8/1975	Nam	TH&THCS Tiền Phong	7.0	
239	Đỗ Thị Bông	25/8/1989	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.0	
240	Nguyễn Thị Dàng	27/7/1988	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.5	
241	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16/10/1978	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.0	
242	Nguyễn Thị Mơ	10/3/1985	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.0	
243	Nguyễn Thị Vượt	3/6/1988	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.0	
244	Phạm Thị Nương	12/11/1976	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.0	
245	Phạm Thị Xuyên	2/1/1988	Nữ	TH&THCS Tiền Phong	8.0	
246	Bùi Gia Hùng	29/8/1988	Nam	TH Nguyễn Bình	8.0	
247	Bùi Thị Lệ Thuý	12/3/1977	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
248	Bùi Thị Mai	3/8/1976	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
249	Đàm Thị Hạnh	1/2/1970	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
250	Đặng Thị Hoàn	20/9/1987	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
251	Đinh Thị Nga	12/2/1994	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
252	Lê Thị Hiếu	29/9/1979	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
253	Lê Thị Thu Hà	10/11/1979	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
254	Lê Thị Thu Hương	25/9/1976	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
255	Lưu Thị Diệu	19/3/1979	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
256	Mai Thị Hương	27/9/1977	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
257	Nguyễn Huệ Lý	25/1/1990	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
258	Nguyễn Huyền Trang	5/9/1988	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
259	Nguyễn Thị Thanh Thủy	6/11/1981	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
260	Nguyễn Thị Thu Hằng	6/8/1988	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
261	Phạm Thị Thu Thủy	7/10/1985	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
262	Phạm Tiến Dũng	15/12/1968	Nam	TH Nguyễn Bình	8.0	
263	Tô Duy Đoan	19/6/1987	Nam	TH Nguyễn Bình	8.0	
264	Bùi Thị Thủy	03/11/1985	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
265	Tô Thị Thanh Thủy	14/9/1978	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
266	Trần Thị Hải	25/5/1979	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
267	Trần Thị Phương Liên	1/12/1985	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
268	Vũ Hồng Nhung	7/2/1986	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
269	Vũ Hồng Nhung	1/7/1977	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
270	Vũ Thị Hồng Vân	22/11/1982	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
271	Vũ Thị Phượng	8/12/1987	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
272	Vũ Thị Thu Trang	20/2/1986	Nữ	TH Nguyễn Bình	8.0	
273	Bùi Thị Thịnh	25/7/1985	Nữ	TH Tân An	8.0	
274	Đặng Thị Hiên	31/3/1987	Nữ	TH Tân An	8.0	
275	Đinh Hữu Đức	10/12/1985	Nam	TH Tân An	8.0	

276	Đinh Thị Hồng Hạnh	21/1/1987	Nữ	TH Tân An	8.0	
277	Đinh Thị Kim Ngân	16/11/1989	Nữ	TH Tân An	8.0	
278	Đinh Thị Thúy Hằng	5/11/1985	Nữ	TH Tân An	8.0	
279	Đỗ Thị Mai	5/2/1982	Nữ	TH Tân An	8.0	
280	Đỗ Văn Thắng	11/8/1989	Nam	TH Tân An	8.0	
281	Đoàn Thị Thương	15/10/1987	Nữ	TH Tân An	8.0	
282	Hoàng Thị Hương	4/11/1986	Nữ	TH Tân An	8.0	
283	Hoàng Thị Thanh Huyền	8/7/1981	Nữ	TH Tân An	8.0	
284	Lương Thị Thúy	16/7/1987	Nữ	TH Tân An	8.0	
285	Nguyễn Thị Chung	14/4/1972	Nữ	TH Tân An	8.0	
286	Ninh Thị Lầu	05/08/1985	Nữ	TH Tân An	8.0	
287	Nguyễn Thị Hải Yến	20/11/1988	Nữ	TH Tân An	8.0	
288	Nguyễn Thị Hợi	28/5/1989	Nữ	TH Tân An	8.0	
289	Nguyễn Thị Thanh Trang	23/4/1985	Nữ	TH Tân An	8.0	
290	Phạm Hải Yến	27/9/1980	Nữ	TH Tân An	8.0	
291	Phạm Thị Trang	30/10/1988	Nữ	TH Tân An	8.0	
292	Phùng Thị Hường	7/7/1980	Nữ	TH Tân An	8.0	
293	Tô Tiến Tâm	9/4/1989	Nam	TH Tân An	8.0	
294	Vũ Thị Hương Lan	20/6/1987	Nữ	TH Tân An	8.0	
295	Vũ Thị Nhã	14/1/1980	Nữ	TH Tân An	8.0	
296	Vũ Thu Huyền	21/5/1992	Nữ	TH Tân An	8.0	
297	Đỗ Thị Kim Thanh	7/9/1987	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
298	Nguyễn Thị Mến	28/6/1987	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
299	Nguyễn Thị Hải	9/8/1982	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
300	Vũ Thị Thu	23/05/1980	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
301	Nguyễn Thị Bích Hương	23/11/1975	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
302	Đào Thị Thanh Huyền	30/11/1976	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
303	Nguyễn Thị Mai	25/9/1985	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
304	Dương Thị Cúc	10/12/1984	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
305	Trần Thị Yến	17/10/1974	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
306	Lê Thị Thanh	6/12/1985	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
307	Nguyễn Thị Nhung	15/3/1974	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
308	Hoàng Thị Hải Yến	28/8/1988	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
309	Hoàng Thị Hà	13/3/1981	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
310	Ngô Thị Hương	5/6/1988	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
311	Mùng Thị Hoa	20/2/1988	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
312	Đinh Thị Mai Thu	20/10/1980	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
313	Lê Thị Kim Chi	5/5/1992	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
314	Nguyễn Thị Minh Ngọc	15/4/1987	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
315	Trịnh Thị Hoa	9/3/1973	Nữ	TH Phong Hải	8.0	

316	Vũ Thị Khánh Loan	18/04/1984	Nữ	TH Phong Hải	9.0	
317	Nguyễn Tố Quyên	15/01/1999	Nữ	TH Phong Hải	7.0	
318	Phạm Thị Huệ	30/4/1981	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
319	Phạm Đăng Hưng	28/5/1982	Nam	TH Phong Hải	8.0	
320	Phạm Thị Thu Hà	22/7/1979	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
321	Bùi Huy Hiền	12/1/1984	Nam	TH Phong Hải	8.0	
322	Đoàn Thị Hương Trọng	8/1/1988	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
323	Lương Thị Đào	17/05/1988	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
324	Nguyễn Thị Thắm	02/04/1991	Nữ	TH Phong Hải	8.0	
325	Đặng Thị Sáu	14/1/1984	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
326	Đỗ Lê Huy	16/10/1979	Nam	TH Yên Giang	8.0	
327	Đỗ Thị Ngọc Hà	15/8/1985	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
328	Đoàn Thị Kim Ngân	9/9/1986	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
329	Đồng Thị Thủy	2/1/1979	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
330	Lê Thị Liễu	19/7/1991	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
331	Lê Thị Thùy Lan	18/5/1983	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
332	Mai Thị Hải Phượng	2/5/1972	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
333	Ngô Thị Hồng Huệ	16/8/1985	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
334	Ngô Thị Tiến Khương	9/12/1989	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
335	Nguyễn Ngọc Hà	25/5/1974	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
336	Nguyễn Thị Hà Giang	16/12/1997	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
337	Nguyễn Thị Hào Quang	15/11/1976	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
338	Nguyễn Thị Hồng Thắng	23/12/1976	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
339	Phạm Thị Nhung	16/8/1988	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
340	Phạm Thị Thu Trang	18/10/1976	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
341	Trần Thị Hương	28/10/1988	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
342	Trịnh Hương Lan	15/12/1996	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
343	Vũ Hải Yến	13/6/1990	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
344	Vũ Thị Hải Yến	09/09/1979	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
345	Đỗ Thị Hải	13/05/1980	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
346	Vũ Thị Thảo	08/02/1979	Nữ	TH Yên Giang	8.0	
347	Bùi Thị Thanh	5/12/1987	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
348	Đặng Thu Huyền	04/05/1975	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
349	Bùi Xuân Hùng	27/4/1979	Nam	TH Phong Cốc	8.0	
350	Đỗ Thị Thanh	21/12/1992	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
351	Hoàng Thị Vượng	15/9/1980	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
352	Ngô Đình Mạnh	20/10/1986	Nam	TH Phong Cốc	8.0	
353	Ngô Thị Hạnh	14/7/1988	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
354	Ngô Thị Hoa	29/12/1986	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
355	Nguyễn Bích Diệp	6/11/1991	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	

356	Nguyễn Minh Phương	18/10/1989	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
357	Nguyễn Thị Dịu	14/3/1986	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
358	Nguyễn Thị Lanh	5/10/1987	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
359	Nguyễn Thị Thảo	25/10/1980	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
360	Nguyễn Thị Thúy	19/8/1986	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
361	Nguyễn Thị Tứ	7/6/1980	Nữ	TH Phong Cốc	7.0	
362	Phạm Thị Hằng	13/3/1986	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
363	Phạm Thị Thu	4/7/1987	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
364	Tô Thị Hương Thảo	22/9/1989	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
365	Vũ Thị Chiêu	29/7/1986	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
366	Vũ Thị Hường	29/3/1990	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
367	Vũ Thị Thoa	1/11/1989	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
368	Ngô Thị Uyên	08/08/1988	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
369	Bùi Thị Hoan	08/03/1985	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
370	Vũ Thị Thu Hiền	18/07/1977	Nữ	TH Phong Cốc	8.0	
371	Lê Chí Công	25/01/1979	Nam	TH Liên Vị	8.0	
372	Bùi Thị Nhó	18/8/1985	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
373	Cao Thị Hường	28/4/1970	Nữ	TH Liên Vị	9.0	
374	Cao Thị Tho	26/1/1983	Nữ	TH Liên Vị	9.0	
375	Đặng Quỳnh Trang	29/12/1979	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
376	Đặng Thị Nga	5/10/1982	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
377	Lê Thị Giang	26/12/1990	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
378	Đào Hải Yến	5/4/1990	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
379	Đào Thị Hạnh	5/9/1988	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
380	Đào Thị Hồng Phương	16/9/1989	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
381	Đỗ Thị Ba	19/1/1993	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
382	Đỗ Thị Bai	21/12/1991	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
383	Đỗ Thị Kim Hoài	22/9/1984	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
384	Dương Thị Tiềm	5/5/1991	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
385	Lê Hồng Trang	24/3/1987	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
386	Lê Thị Cẩm Vân	14/3/1990	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
387	Lê Thị Hoài	3/1/1988	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
388	Lê Thị Liên	20/6/1976	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
389	Lê Thị Liễu	6/4/1986	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
390	Lê Thị Thúy	26/4/1988	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
391	Ngô Thảo Lan	19/5/1992	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
392	Ngô Thị Thêm	10/11/1985	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
393	Ngô Thị Tuyền	17/12/1987	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
394	Nguyễn Hồng Thoa	24/8/1976	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
395	Nguyễn Thị Khang	27/5/1991	Nữ	TH Liên Vị	8.0	

396	Nguyễn Thị Thu Trang	27/9/1980	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
397	Phan Thị Mai Hòa	23/06/1984	Nữ	TH Liên Vị	9.0	
398	Trần Thị Hà	28/09/1987	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
399	Trần Văn Nam	05/08/1988	Nam	TH Liên Vị	8.0	
400	Trần Văn Tuyển	03/09/1994	Nam	TH Liên Vị	8.0	
401	Vũ Thị Hiền	15/3/1987	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
402	Vũ Thị Hương	12/02/1983	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
403	Vũ Thị Là	07/08/1987	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
404	Đinh Thị Hương	4/10/1978	Nữ	TH Liên Vị	8.0	
405	Bùi Khánh Ly	14/7/1988	Nữ	TH Tiền An	9.0	
406	Bùi Thị Thu Trang	31/03/1987	Nữ	TH Tiền An	8.0	
407	Bùi Thị Thuỷ	4/7/1992	Nữ	TH Tiền An	8.0	
408	Bùi Thị Vinh	25/12/1979	Nữ	TH Tiền An	8.0	
409	Đàm Thị Tố Uyên	29/2/1976	Nữ	TH Tiền An	8.0	
410	Đinh Thị Hồng Đức	23/4/1976	Nữ	TH Tiền An	8.0	
411	Đỗ Cẩm Loan	1/10/1984	Nữ	TH Tiền An	8.0	
412	Đỗ Thị Duy	26/7/1988	Nữ	TH Tiền An	8.0	
413	Tô Thị Hạnh	26/03/1977	Nữ	TH Tiền An	8.0	
414	Hiên Thị Miên	3/10/1986	Nữ	TH Tiền An	9.0	
415	Lê Thanh Huyền	30/11/1996	Nữ	TH Tiền An	8.0	
416	Lê Thị Ánh Hoa	28/10/1981	Nữ	TH Tiền An	8.0	
417	Lê Thị Loan	29/9/1987	Nữ	TH Tiền An	8.0	
418	Lê Thị Thu Hoài	28/10/1987	Nữ	TH Tiền An	8.0	
419	Lý Thị Hường	24/6/1986	Nữ	TH Tiền An	8.0	
420	Nguyễn Mạnh Tường	31/10/1982	Nam	TH Tiền An	8.0	
421	Nguyễn Thị Hải Âu	12/10/1990	Nữ	TH Tiền An	8.0	
422	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/4/1987	Nữ	TH Tiền An	8.0	
423	Bùi Thị Băng Tâm	21/03/1987	Nữ	Th Tiền An	8.0	
424	Đàm Thị Đào	15/10/1984	Nữ	TH Tiền An	8.0	
425	Nguyễn Thị Thu Lý	29/7/1985	Nữ	TH Tiền An	8.0	
426	Phạm Thị Hương Lan	13/11/1984	Nữ	TH Tiền An	8.0	
427	Phạm Thị Ngọc Hà	18/6/1985	Nữ	TH Tiền An	8.0	
428	Phạm Thu Hường	18/10/1991	Nữ	TH Tiền An	9.0	
429	Trần Thị Luyện	12/8/1990	Nữ	TH Tiền An	8.0	
430	Trần Thị Mai	1/1/1987	Nữ	TH Tiền An	9.0	
431	Trương Thị Mơ	8/10/1980	Nữ	TH Tiền An	8.0	
432	Vũ Thị Nguyệt Đức	17/12/1988	Nữ	TH Tiền An	9.0	
433	Nguyễn Thị Hằng	23/03/1989	Nữ	TH Tiền An	9.0	
434	Vũ Thị Tuyết	17/11/1990	Nữ	TH Tiền An	9.0	
435	Hoàng Thị Hoa	04/06/1984	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	

436	Vũ Thị Hạnh	11/11/1969	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
437	Lê Thị Luyện	16/11/1990	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
438	Nguyễn Thị Hoa	24/10/1987	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
439	Nguyễn Thị Xuân	29/04/1986	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
440	Đoàn Thị Thanh Mai	09/09/1990	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
441	Tô Thị Hòa	19/01/1976	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
442	Bùi Thị Thanh	09/11/1988	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
443	Hà Thị Lệ Tân	12/08/1980	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
444	Vũ Thị Tân	25/07/1984	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.5	
445	Phạm Thị Mùi	21/10/1995	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
446	Cao Thị Tuyết	30/11/1989	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
447	Lê Thị Thanh Bình	06/09/1979	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.5	
448	Nguyễn Thị Vân Anh	13/03/1986	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
449	Đinh Thị Vân Anh	03/03/1987	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
450	Nguyễn Thị Tâm	26/01/1990	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
451	Phạm Thị Thúy Hương	02/07/1976	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
452	Bùi Thị Thu Huyền	31/10/1997	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
453	Trần Thị Lan	13/06/1989	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
454	Phạm Thị Huế	12/12/1981	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
455	Nguyễn Thị Mai Hương	24/06/1971	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
456	Nguyễn Thị Thái Thủy	20/08/1983	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
457	Vũ Thị Bảo Ngọc	16/10/1990	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
458	Nguyễn Thị Chi	10/08/1993	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
459	Phạm Văn Tính	01/01/1976	Nam	TH Sông Khoai 1	8.0	
460	Đặng Thị Thùy Linh	20/09/1986	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
461	Vũ Thị Luân	13/11/1993	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
462	Ngô Thị Mai	27/10/1990	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
463	Bùi Thị Hoài	13/03/1985	Nữ	TH Sông Khoai 1	8.0	
464	Phan Khánh Hòa	19/11/1995	Nữ	TH Liên Hòa	7.0	
465	Bùi Thị Nga	1/11/1985	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
466	Bùi Thị Oanh	11/4/1979	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
467	Bùi Thị Thanh Hoan	8/7/1990	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
468	Đặng Thị Minh Hậu	25/4/1987	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
469	Đặng Văn Dũng	6/3/1982	Nam	TH Liên Hòa	7.5	
470	Đỗ Thị Hường	12/10/1977	Nữ	TH Liên Hòa	9.0	
471	Đỗ Thị Thanh Vinh	4/12/1982	Nữ	TH Liên Hòa	9.0	
472	Hoàng Thị Mai Hương	16/5/1976	Nữ	TH Liên Hòa	7.0	
473	Lê Mai Tuyền	27/11/1981	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
474	Lê Thị Tâm	15/12/1988	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
475	Lê Thị Tịnh	4/1/1988	Nữ	TH Liên Hòa	8.5	

476	Ngô Thị Cẩm Nhung	31/3/1990	Nữ	TH Liên Hòa	9.0	
477	Nguyễn Thế Anh	27/5/1977	Nam	TH Liên Hòa	8.0	
478	Nguyễn Thị Liễu	28/5/1971	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
479	Nguyễn Văn Hà	12/4/1979	Nam	TH Liên Hòa	8.0	
480	Phạm Thị Quy	6/1/1988	Nữ	TH Liên Hòa	9.0	
481	Phạm Thị Thảo	20/8/1977	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
482	Trần Thảo Yến	17/2/1983	Nữ	TH Liên Hòa	8.5	
483	Trần Thị Định	8/11/1984	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
484	Trần Thị Hoa	20/8/1968	Nữ	TH Liên Hòa	8.5	
485	Trần Thị Ngọc Hà	6/7/1996	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
486	Trần Thị Vân	27/9/1984	Nữ	TH Liên Hòa	8.5	
487	Vũ Thị Bình	4/12/1976	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
488	Vũ Thị Huyền	17/01/1995	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
489	Vũ Thị Huyền	14/12/1984	Nữ	TH Liên Hòa	9.0	
490	Nguyễn Thị Như Hoa	11/06/1980	Nữ	TH Liên Hòa	8.0	
491	Vũ Thị Lương	19/9/1969	Nữ	TH Liên Hòa	7.0	
492	Vũ Thị Thùy	10/5/1987	Nữ	TH Liên Hòa	9.0	
493	Nguyễn Thị Hậu	17/02/1993	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
494	Bùi Thị Huệ	12/2/1990	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
495	Bùi Thị Thoa	28/6/1970	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
496	Nguyễn Thị Quyên	11/10/1988	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
497	Vũ Thị Hiền	05/07/1987	Nữ	TH Yên Hải	7.0	
498	Đặng Thị Thu Hằng	15/1/1985	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
499	Đinh Thị Thu Hiền	25/7/1990	Nữ	TH Yên Hải	9.0	
500	Đặng Thị Tâm	01/10/1992	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
501	Đỗ Thị Lan Anh	17/2/1988	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
502	Đoàn Thị Thu	30/9/1989	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
503	Lê Thị Lý	11/1/1987	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
504	Lê Thị Vi	22/6/1977	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
505	Ngô Thị Yến	22/8/1987	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
506	Nguyễn Thị Lanh	26/10/1986	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
507	Nguyễn Thị Oanh	22/10/1980	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
508	Nguyễn Thị Tám	20/1/1983	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
509	Nguyễn Thị Thùy Linh	30/08/1996	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
510	Nguyễn Thị Thảo	5/5/1985	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
511	Nguyễn Thị Thìn	10/3/1973	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
512	Phạm Thị Chiên	30/10/1995	Nữ	TH Yên Hải	9.0	
513	Phạm Thị Thơm	15/10/1981	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
514	Vũ Thị Hậu	18/8/1988	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
515	Đỗ Thị Sinh	11/06/1991	Nữ	TH Yên Hải	8.0	

516	Vũ Thị Hương	12/02/1983	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
517	Vũ Thị Thu Hà	22/02/1988	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
518	Vũ Thị Thư	15/03/1986	Nữ	TH Yên Hải	8.0	
519	Bùi Thanh Thảo	22/5/1989	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
520	Bùi Thị Kim Phương	25/8/1987	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
521	Bùi Thị Thanh Huyền	26/2/1973	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
522	Đặng Thị Hoài	10/8/1987	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
523	Đặng Thị Lệ	19/8/1978	Nữ	TH Minh Thành	9.0	
524	Đinh Thị Lan Hương	19/11/1989	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
525	Đỗ Thành Công	15/4/1989	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
526	Đỗ Thị Cảnh	26/2/1986	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
527	Đỗ Thu Hường	18/2/1987	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
528	Hoàng Thị Hải Yến	9/4/1989	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
529	Lê Thị Quỳnh Nga	9/4/1981	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
530	Lê Thúy Nga	26/7/1977	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
531	Nguyễn Ngọc Lam	19/11/1973	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
532	Nguyễn Thị Bích Thủy	13/10/1970	Nữ	TH Minh Thành	9.0	
533	Nguyễn Thị Thịnh	12/1/1969	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
534	Nguyễn Thị Chiên	30/1/1993	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
535	Nguyễn Thị Chuyển	23/7/1984	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
536	Nguyễn Thị Hà	26/1/1977	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
537	Nguyễn Thị Hải	5/7/1971	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
538	Nguyễn Thị Hằng	6/8/1971	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
539	Nguyễn Thị Hoa	19/10/1979	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
540	Nguyễn Thị Khuyên	19/3/1984	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
541	Nguyễn Thị Kim Thoa	17/9/1981	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
542	Nguyễn Thị Lan Phương	13/12/1987	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
543	Nguyễn Thị Mai	15/12/1975	Nữ	TH Minh Thành	9.0	
544	Nguyễn Thị Mai	6/6/1969	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
545	Nguyễn Thị Thắng Lợi	4/12/1978	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
546	Nguyễn Thị Thanh Bình	1/9/1976	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
547	Nguyễn Thị Thanh Dung	24/6/1989	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
548	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/2/1980	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
549	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	31/10/1987	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
550	Nguyễn Thu Vân	8/10/1988	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
551	Phạm Thị Kim Chung	17/6/1981	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
552	Phạm Thị Huệ	18/1/1977	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
553	Phạm Thị Huyền	10/9/1986	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
554	Phạm Thị Minh Thu	5/10/1979	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
555	Phạm Thị Thanh Tâm	29/10/1978	Nữ	TH Minh Thành	8.5	

556	Phạm Thị Vân	26/9/1980	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
557	Phùng Thu Hà	21/3/1975	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
558	Trần Thị Anh Thư	20/11/1990	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
559	Trần Thị Hải Nga	23/7/1973	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
560	Trần Thị Hằng	30/6/1977	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
561	Trần Thị Hương	3/2/1984	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
562	Trần Thị Tắm	24/4/1986	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
563	Trương Thanh Huyền	18/1/1978	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
564	Vũ Thị Huyền Trang	20/6/1994	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
565	Vũ Thị Mai Hương	8/4/1991	Nữ	TH Minh Thành	8.5	
566	Vũ Thị Nhàn	10/12/1985	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
567	Vũ Thị Thương	29/7/1979	Nữ	TH Minh Thành	8.0	
568	Nguyễn Thị Thúy Nga	03/03/1987	Nữ	TH Minh Thành	8.0	

Ấn định danh sách 568 học viên ./.

DANH SÁCH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH

Giáo viên Tiểu học học bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 1315/QĐ-ĐHHL ngày 23/10/2024 của Trường Đại học Hạ Long)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Đơn vị công tác	Điểm	Ghi chú
1	Đặng Hoàng Vĩnh	5/8/1977	Nam	THCS Phong Hải	9.0	
2	Lê Thị Huyền	5/2/1990	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
3	Phạm Thị Sen	18/8/1975	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
4	Vũ Khắc Duy	5/8/1974	Nam	THCS Phong Hải	9.0	
5	Lê Hương Loan	24/10/1988	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
6	Đặng Thị Huyền	29/3/1997	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
7	Vũ Thị Thuý	10/6/1985	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
8	Vũ Thị Rơi	14/7/1989	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
9	Đào Thị Hương	3/9/1985	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
10	Hoàn Kim Thoan	21/4/1981	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
11	Chu Thị Thơ	28/4/1985	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
12	Nguyễn Bá Quyết	27/5/1991	Nam	THCS Phong Hải	9.0	
13	Ngô Thị Lan	16/9/1987	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
14	Đỗ Thị Thu Hương	23/3/1981	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
15	Lê Thị Hường	22/8/1975	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
16	Dương Thị Hòa	23/10/1988	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
17	Lê Thị Linh	20/11/1994	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
18	Nguyễn Thị Ngoan	26/1/1976	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
19	Vũ Thị Ngọc Ánh	2/12/1987	Nữ	THCS Phong Hải	8.0	
20	Bùi Thị Vân Hường	26/7/1978	Nữ	THCS Phong Hải	9.0	
21	Lê Thanh Quân	5/5/1985	Nam	THCS Phong Hải	9.0	
22	Phạm Văn Long	20/10/1986	Nam	THCS Phong Hải	8.0	
23	Trần Thị Việt Anh	14/11/1977	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
24	Nguyễn Thị Thúy	24/04/1974	Nữ	THCS Đông Mai	9.0	
25	Hoàng Thị Thanh Thủy	26/12/1972	Nữ	THCS Đông Mai	9.0	
26	Đỗ Thị Thuyên	24/10/1971	Nữ	THCS Đông Mai	9.0	
27	Lê Thị Thu Hà	01/05/1973	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
28	Nguyễn Thị Thanh	30/10/1984	Nữ	THCS Đông Mai	8.5	
29	Tổng Thị Hiền	23/04/1984	Nữ	THCS Đông Mai	8.5	
30	Vũ Thị Hoài	12/01/1973	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
31	Trần Thị Thu Huyền	29/03/1981	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
32	Vũ Thị Mai Anh	05/10/1995	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
33	Vũ Thị Bích Hà	30/10/1992	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
34	Ngô Việt Công	10/05/1989	Nam	THCS Đông Mai	8.0	
35	Nguyễn Thị Huyền	10/06/1987	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
36	Nguyễn Thị Hải Yến	26/05/1978	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
37	Hoàng Thị Ánh Tuyết	30/01/1970	Nữ	THCS Đông Mai	8.5	
38	Vũ Thị Thúy	28/10/1970	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
39	Phạm Thùy Dương	16/07/1976	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
40	Hà Thị Phong	17/01/1975	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
41	Nguyễn Thị Mỹ	27/09/1976	Nữ	THCS Đông Mai	9.0	
42	Vũ Hải Long	06/10/1988	Nam	THCS Đông Mai	9.0	

43	Nguyễn Thị Kiều Dung	17/09/1992	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
44	Nguyễn Thị Loan	11/01/1992	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
45	Phạm Thị Phương Thảo	18/04/1980	Nữ	THCS Đông Mai	8.5	
46	Hà Thị Huyền Trang	10/12/1984	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
47	Nguyễn Thu Giang	17/07/1982	Nữ	THCS Đông Mai	8.0	
48	Bùi Thị Vân Anh	24/8/1991	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
49	Trần Ngọc Anh	16/11/1968	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
50	Phạm Văn Bình	13/3/1978	Nam	THCS Minh Thành	8.0	
51	Phạm Thị Cúc	18/10/1978	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
52	Phạm Thị Dinh	6/10/1977	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
53	Bùi Thị Thu Dung	18/3/1989	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
54	Nguyễn Thị Hương Giang	22/6/1997	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
55	Mai Thuý Hà	28/5/1977	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
56	Trịnh Thị Thu Hằng	9/12/1979	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
57	Vũ Thị Hiên	6/4/1996	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
58	Nguyễn Thị Thu Hoà	3/6/1974	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
59	Nguyễn Thị Hòa	10/8/1986	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
60	Đặng Xuân Hoan	28/3/1978	Nam	THCS Minh Thành	9.0	
61	Nguyễn Thị Thu Hoàn	17/9/1978	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
62	Nguyễn Thị Thanh Huyền	8/8/1978	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
63	Hà Bích Huyền	7/7/1976	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
64	Nguyễn Việt Hưng	23/9/1992	Nam	THCS Minh Thành	8.0	
65	Khúc Thị Mai Hương	16/4/1976	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
66	Nguyễn Thị Hương	4/8/1979	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
67	Vũ Ngọc Hường	1/12/1979	Nam	THCS Minh Thành	8.0	
68	Hoàng Thị Làn	1/10/1983	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
69	Bùi Phương Linh	15/8/1988	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
70	Nguyễn Thị Diệu Linh	9/7/1980	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
71	Phạm Thị Loan	7/7/1985	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
72	Phạm Thị Nguyệt	20/10/1986	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
73	Nguyễn Thị Nam	31/5/1970	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
74	Hà Thị Ngát	13/8/1989	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
75	Vũ Thị Kiều Oanh	28/8/1972	Nữ	THCS Minh Thành	7.5	
76	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/8/1976	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
77	Nguyễn Thị Thanh	21/9/1981	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
78	Nguyễn Thị Thanh Thủy	18/1/1974	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
79	Phạm Thị Thủy	16/5/1974	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
80	Nguyễn Thị Thơm	10/10/1982	Nữ	THCS Minh Thành	8.0	
81	Đào Thị Vân	16/2/1975	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
82	Tô Thị Ánh	15/5/1986	Nữ	THCS Minh Thành	9.0	
83	Vũ Đình Hưng	4/6/1985	Nam	THCS Minh Thành	8.0	
84	Vũ Thị Hải Yến	13/1/1985	Nữ	THCS Minh Thành	8.5	
85	Lê Thị Thu Hà	18/10/1984	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
86	Nguyễn Thị Liên Hoa	27/10/1968	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
87	Phạm Quỳnh Trang	5/8/1991	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
88	Lê Thị Thùy Dương	22/12/1975	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
89	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/8/1993	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
90	Vũ Thị Mai Hương	2/6/1973	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
91	Hoàng Văn Huy	3/11/1983	Nam	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	

92	Trần Thị Doan	5/6/1985	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
93	Lưu Thị Vân	10/3/1991	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
94	Trần Quang Sáng	9/1/1983	Nam	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
95	Bùi Đức Mạnh	28/5/1985	Nam	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
96	Vũ Thị Thu	20/12/1985	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
97	Lê Thị Ngọc Ánh	8/2/1997	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
98	Nguyễn Thị Mẫn	25/2/1976	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
99	Bạch Thu Thùy	17/11/1983	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
100	Đào Thị Thu Huyền	20/9/1975	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
101	Vũ Thị Xuân	20/9/1973	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
102	Đỗ Thị Tuyết	14/5/1981	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
103	Ngô Anh Thắng	8/10/1979	Nam	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
104	Đỗ Thị Thùy Linh	12/7/1989	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
105	Bùi Thanh Huyền	4/6/1989	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
106	Trần Thị Mai Hoa	26/7/1970	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
107	Nguyễn Thị Hồng Nhung	19/5/1994	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
108	Phạm Thị Hồng	12/1/1995	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
109	Bùi Thị Thuý	2/4/1975	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
110	Phạm Thị Thu Hoài	20/11/1977	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	9.0	
111	Ngô Lan Phương	21/5/1977	Nữ	THCS Trần Hưng Đạo	8.0	
112	Bùi Thị Mai Anh	29/8/1970	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
113	Trần Thị Hoài Nam	31/12/1969	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
114	Nguyễn Thị Phương Lan	27/5/1980	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
115	Nguyễn Quốc Tuấn	15/1/1979	Nam	THCS Hiệp Hòa	9.0	
116	Phạm Thị Hải	28/9/1986	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
117	Nguyễn Thị Vân	23/3/1983	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
118	Đỗ Thị Hồng Hải	28/11/1979	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
119	Bùi Thị Thu Oanh	19/10/1975	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
120	Lê Thị Thu Hiền	27/10/1980	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
121	Đỗ Thị Hải Yến	10/7/1977	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
122	Mai Thị Bích Thủy	04/12/1976	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
123	Nguyễn Thị Tĩnh	25/02/1991	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
124	Phạm Thị Đăng	21/01/1981	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
125	Nguyễn Thị Định	23/10/1990	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
126	Nguyễn Minh Thủy	24/5/1978	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
127	Đinh Thị Thanh	20/1/1987	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
128	Bùi Thị Loan	7/12/1989	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
129	Ngô Thị Hải Yến	2/10/1991	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
130	Bùi Thị Bích Thảo	1/8/1989	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
131	Nguyễn Thị Linh	3/8/1996	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
132	Nguyễn Thị Vân Anh	2/8/1992	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
133	Lương Thị Loan	12/8/1990	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
134	Đậu Thị Kim Ngân	13/12/1980	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
135	Dư Kim Quy	28/11/1977	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
136	Bùi Thị Xiêm	26/11/1982	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
137	Vũ Thị Thu Hương	8/6/1970	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
138	Hoàng Thị Thuý	17/1/1980	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
139	Nguyễn Thị Hà	31/10/1982	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
140	Vũ Thị Thanh Huyền	5/9/1984	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	

141	Trần Thị Hương	23/9/1991	Nữ	THCS Hiệp Hòa	9.0	
142	Hoàng Thị Thanh Hảo	19/1/1973	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
143	Nguyễn Thị Lan Anh	27/9/1987	Nữ	THCS Hiệp Hòa	8.0	
144	Hà Thế Anh	9/7/1984	Nam	THCS Tiên An	8.0	
145	Nguyễn Thị Hường	10/6/1986	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
146	Đỗ Thị Thoa	18/10/1988	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
147	Lại Thị Phương Trà	24/4/1983	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
148	Nguyễn Thị Khuyên	1/5/1984	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
149	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/6/1979	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
150	Đinh Thị Hương	20/3/1981	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
151	Trần Thị Thanh Hà	30/7/1975	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
152	Hồ Thị Hồng Nhung	2/9/1980	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
153	Lê Thị Phương Lan	14/8/1979	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
154	Bùi Thúy An	17/1/1991	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
155	Trần Thị Hoa	24/9/1987	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
156	Phạm Thị Thu	3/12/1976	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
157	Vũ Thị Oanh	1/6/1985	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
158	Nguyễn Thị Bạch Huệ	30/7/1985	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
159	Vũ An Hưng	23/9/1980	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
160	Đinh Thị Thu Hà	5/6/1987	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
161	Vũ Thị Hợp	24/5/1981	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
162	Đặng Thị Thu Huyền	20/3/1976	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
163	Nguyễn Thuỳ Giang	4/12/1985	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
164	Nguyễn Thị Hảo	28/9/1981	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
165	Phạm Thị Đông	31/12/1986	Nữ	THCS Tiên An	8.0	
166	Phạm Kiều My	6/5/1992	Nữ	THCS Tiên An	8.5	
167	Trần Thị Hoa	22/05/1976	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
168	Bùi Bích Hậu	06/10/1984	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
169	Phạm Thúy Nga	03/03/1975	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
170	Phạm Thị Minh Hồng	02/09/1977	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
171	Hoàng Thị Hải	25/11/1977	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
172	Vi Thị Ngọc Huyền	02/09/1988	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
173	Đặng Thị Vân Hằng	02/02/1980	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
174	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/08/1983	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
175	Nguyễn Thị Tám	25/06/1978	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
176	Nguyễn Thị Thu	12/11/1988	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
177	Phạm Phương Thảo	16/05/1978	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
178	Nguyễn Anh Tuấn	09/11/1979	Nam	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
179	Nguyễn Thị Hương Lan	23/04/1979	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
180	Lê Phong Lan	13/10/1981	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
181	Lê Thị Thu Hà	23/01/1983	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
182	Đỗ Thị Thu Hiền	26/06/1979	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
183	Nguyễn Văn Hưng	24/12/1990	Nam	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
184	Nguyễn Thị Hường	16/09/1976	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
185	Trần Thị Thu Nga	02/12/1987	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
186	Vũ Hải Lý	21/09/1977	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
187	Lê Thị Thu Hương	08/04/1972	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
188	Đào Đình Thái	14/10/1991	Nam	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
189	Phí Thị Thanh Thủy	12/10/1979	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	

190	Bùi Thị Nhiên	20/01/1978	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
191	Nguyễn Thị Như Nga	14/08/1978	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
192	Đỗ Thị Luận	13/12/1983	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
193	Hoàng Đức Long	30/09/1969	Nam	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
194	Nguyễn Thị Vui	22/11/1988	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
195	Nguyễn Thị Nhung	18/08/1972	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	9.0	
196	Vũ Hoàng	13/07/1983	Nam	THCS Lê Quý Đôn	8.0	
197	Lê Thị Thuý	17/12/1977	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.5	
198	Trần Thị Tứ	19/08/1988	Nữ	TH&THCS Cẩm La	9.0	
199	Vũ Thị Tình	11/12/1990	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.5	
200	Nguyễn Sỹ Chuyên	31/08/1977	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.5	
201	Đinh Thị Thu Hà	25/03/1979	Nữ	TH&THCS Cẩm La	9.0	
202	Vũ Thị Phú	03/02/1976	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.5	
203	Ngô Thị Sáu	23/01/1975	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.0	
204	Tăng Thị Thơm	04/10/1978	Nữ	TH&THCS Cẩm La	9.0	
205	Nguyễn Thị Thủy	28/11/1990	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.5	
206	Vũ Văn Xuân	06/12/1985	Nam	TH&THCS Cẩm La	8.0	
207	Phạm Thị Lâm	15/12/1991	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.5	
208	Nguyễn Văn Đang	06/02/1986	Nam	TH&THCS Cẩm La	9.0	
209	Nguyễn Thị Ánh Hồng	03/12/1993	Nữ	TH&THCS Cẩm La	9.0	
210	Đào Thị Liên	12/07/1985	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.5	
211	Ngô Thị Lương	03/01/1993	Nữ	TH&THCS Cẩm La	8.0	
212	Hoàng Thị Hạnh	5/7/1975	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
213	Mai Thị Hoàn	29/4/1985	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
214	Nguyễn Thị Mai Anh	15/11/1977	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
215	Trương Văn Thuận	15/10/1984	Nam	THCS Sông Khoai	9.0	
216	Vũ Thị Liên	6/2/1988	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
217	Điệp Thị Thùy Linh	25/11/1990	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
218	Vũ Đức Tuấn	20/10/1983	Nam	THCS Sông Khoai	8.0	
219	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	29/1/1988	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
220	Vũ Thị Hà	15/9/1989	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
221	Hoàng Thị Kiên	9/9/1990	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
222	Nguyễn Thị Thoa	12/9/1979	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
223	Vũ Thị Vân	20/11/1978	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
224	Hoàng Hải Yên	29/1/1987	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
225	Trương Thị Hương	10/6/1982	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
226	Nguyễn Thị Thu Thủy	5/6/1993	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
227	Nguyễn Thị Như Trang	5/7/1975	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
228	Trần Hương Thảo	23/12/1998	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
229	Nguyễn Thị Thêm	10/8/1996	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
230	Dương Thị Hiền	17/12/1991	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
231	Nguyễn Thị Lan Anh	30/12/1979	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
232	Vũ Thị Thủy	21/6/1979	Nữ	THCS Sông Khoai	8.0	
233	Đinh Công Tuyển	25/10/1980	Nam	THCS Sông Khoai	8.0	
234	Vũ Duyên Hạnh	16/1/1985	Nữ	THCS Sông Khoai	9.0	
235	Nguyễn Thị Hằng	12/2/1990	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
236	Hoàng Thị Chiên	11/1/1989	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
237	Phạm Thị Lương	12/4/1980	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
238	Nguyễn Thị Hoa	25/2/1991	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	

239	Đỗ Thu Hoài	26/5/1979	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
240	Bùi Huy Quyền	20/4/1982	Nam	THCS Liên Vị	8.0	
241	Lê Thị Thơm	22/1/1994	Nữ	THCS Liên Vị	9.0	
242	Bùi Thị Phúc	2/5/1988	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
243	Đoàn Thị Nhạn	13/5/1989	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
244	Phạm Thị Thanh Hà	26/2/1999	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
245	Đặng Thị Diệu Huyền	2/10/1991	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
246	Đỗ Thị Lũy	13/11/1990	Nữ	THCS Liên Vị	9.0	
247	Vũ Thị Thanh Mai	1/1/1995	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
248	Nguyễn Thị Luyến	24/8/1988	Nữ	THCS Liên Vị	9.0	
249	Cao Văn Khiên	8/9/1986	Nam	THCS Liên Vị	8.5	
250	Trần Thị Minh Thiêm	27/7/1977	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
251	Nguyễn Đông	17/3/1985	Nam	THCS Liên Vị	8.0	
252	Nguyễn Thanh Hường	26/11/1990	Nam	THCS Liên Vị	8.0	
253	Nguyễn Thị Lan	27/10/1995	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
254	Nguyễn Thị Thu Hà	19/5/1997	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
255	Đỗ Thị Thơm	18/3/1987	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
256	Bùi Văn Trọng	3/3/1979	Nam	THCS Liên Vị	8.0	
257	Hà Thị Tuấn	3/1/1972	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
258	Lê Thị Hồng Nhung	21/10/1993	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
259	Lê Văn Thảo	28/5/1987	Nam	THCS Liên Vị	8.0	
260	Vũ Thị Thu	27/6/1998	Nữ	THCS Liên Vị	8.0	
261	Ngô Thị Huyền Trang	15/2/1992	Nữ	THCS Liên Vị	8.5	
262	Lê Thị Cẩm Thơ	18/10/1973	Nữ	THCS Yên Hải	8.0	
263	Vũ Thị Hương	24/10/1979	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
264	Lê Thị Ninh	1/12/1976	Nữ	THCS Yên Hải	8.0	
265	Trần Thị Phương Thảo	8/5/1990	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
266	Cao Thị Mai Phương	22/10/1982	Nữ	THCS Yên Hải	8.0	
267	Phạm Thị Thụy	21/8/1989	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
268	Vũ Thị Luyến	2/6/1987	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
269	Nguyễn Cảnh Tuấn	15/4/1974	Nam	THCS Yên Hải	8.0	
270	Vũ Thị Duyên	14/12/1979	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
271	Dương Thị Pho	25/4/1971	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
272	Dương Văn Quyết	17/9/1985	Nam	THCS Yên Hải	8.0	
273	Vũ Thị Hoa	1/8/1979	Nữ	THCS Yên Hải	8.0	
274	Nguyễn Thị Tú Quyên	31/10/1990	Nữ	THCS Yên Hải	8.0	
275	Bùi Thị Huệ	22/6/1989	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
276	Bùi Thị Huyền	16/2/1996	Nữ	THCS Yên Hải	8.0	
277	Đỗ Thị Nhuận	20/12/1989	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
278	Hoàng Thị Minh Thúy	11/10/1994	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
279	Phạm Thị Bằng	3/9/1988	Nữ	THCS Yên Hải	9.0	
280	Nguyễn Thị Hà Linh	20/11/1994	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
281	Đoàn Văn Khiên	21/7/1990	Nam	TH&THCS Hoàng Tân	9.0	
282	Trần Đức Nhân	1/2/1979	Nam	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
283	Đặng Thị Mừng	20/8/1984	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
284	Nguyễn Thị Thủy	20/9/1985	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
285	Nguyễn Thế Dũng	17/11/1988	Nam	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
286	Vũ Thị Chính	22/2/1989	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
287	Nguyễn Thị Thu Hà	23/3/1994	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	

288	Bùi Thị Thanh Trang	15/3/1994	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.0	
289	Phạm Thị Tuyết	28/12/1991	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	9.0	
290	Lê Thị Hồng Uyên	24/6/1990	Nữ	TH&THCS Hoàng Tân	8.5	
291	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/09/1978	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	9.0	
292	Bùi Thị Thu Hòa	21/02/1979	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	9.0	
293	Nguyễn Thị Lê	09/08/1990	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.5	
294	Đàm Thị Hợp	27/12/1988	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
295	Lương Thị Quỳnh Nga	02/09/1978	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.5	
296	Trần Thị Thanh	27/10/1977	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
297	Đặng Thị Hiếu	17/10/1974	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
298	Nguyễn Xuân Hậu	16/10/1986	Nam	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
299	Nguyễn Thị Huyền	04/07/1985	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.5	
300	Đinh Thị Thu Thủy	24/08/1992	Nữ	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
301	Vũ Hoài Trung	17/12/1979	Nam	TH&THCS Sông Khoai	8.0	
302	Vũ Thị Ngọc Anh	08/06/1989	Nữ	THCS Nam Hòa	9.0	
303	Lê Thị Ngọc Bích	29/9/1984	Nữ	THCS Nam Hòa	9.0	
304	Trần Thị Kim Chi	05/02/1995	Nữ	THCS Nam Hòa	8.5	
305	Nguyễn Thị Kim Dung	13/09/1985	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
306	Lương Thế Dũng	13/11/1983	Nam	THCS Nam Hòa	9.0	
307	Dương Thị Hà	21/09/1989	Nữ	THCS Nam Hòa	8.5	
308	Nguyễn Thị Hiền	20/11/1977	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
309	Lê Thị Hòa	20/05/1989	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
310	Vũ Thị Luyến	12/06/1972	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
311	Nguyễn Thị Lựu	29/12/1975	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
312	Đặng Thị Mận	12/05/1987	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
313	Nguyễn Thị Nhung	01/01/1979	Nữ	THCS Nam Hòa	8.5	
314	Nguyễn Thị Thắm	12/04/1989	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
315	Vũ Quang Vinh	10/08/1984	Nam	THCS Nam Hòa	8.0	
316	Nguyễn Đình Tuấn	19/03/1964	Nam	THCS Nam Hòa	8.0	
317	Đỗ Thị Ngọc Yến	03/07/1976	Nữ	THCS Nam Hòa	8.0	
318	Nguyễn Thị Trúc	15/3/1983	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.5	
319	Vũ Minh Tuấn	6/11/1981	Nam	THCS Cộng Hoà	8.0	
320	Vũ Thị Vui	26/9/1980	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
321	Vũ Xuân Vượng	2/12/1979	Nam	THCS Cộng Hoà	8.0	
322	Vũ Thị Chiên	17/10/1981	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
323	Lê Thị Cúc	1/10/1978	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
324	Bùi Thị Hồng Hải	26/12/1975	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
325	Nguyễn Thị Mơ	20/5/1981	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
326	Hoàng Thị Luyến	14/2/1991	Nữ	THCS Cộng Hoà	9.0	
327	Dương Thị Lan Hương	4/2/1973	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
328	Trần Thị Kim Anh	6/1/1972	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.5	
329	Nguyễn Thị Vân Anh	20/3/1987	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
330	Đậu Thị Hiền	23/12/1984	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
331	Lê Thị Quyên	22/6/1991	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
332	Vũ Thị Lê	15/9/1991	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
333	Phạm Thị Trang	2/12/1990	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
334	Đinh Thị Thảo	4/2/1989	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
335	Bùi Thị Hải Yến	12/4/1993	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.5	
336	Trần Thị Hạnh	18/8/1990	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	

337	Nguyễn Thị Hoàn	19/7/1991	Nữ	THCS Cộng Hoà	9.0	
338	Bùi Thuỳ Hương	10/4/1979	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
339	Lê Văn Long	24/3/1986	Nam	THCS Cộng Hoà	8.5	
340	Bùi Thị Thanh	1/1/1994	Nữ	THCS Cộng Hoà	9.0	
341	Nguyễn Thị Mai	16/10/1992	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
342	Lê Thị Minh Tâm	30/7/1998	Nữ	THCS Cộng Hoà	8.0	
343	Vũ Đức Độ	20/6/1977	Nam	THCS Cộng Hoà	8.0	
344	Nguyễn Hải Triều	11/3/1976	Nam	THCS Cộng Hoà	8.0	
345	Nguyễn Thị Chung	12/10/1991	Nữ	THCS Cộng Hoà	9.0	
346	Nguyễn Thị Duyên	4/8/1990	Nữ	THCS Cộng Hoà	9.0	
347	Bùi Hải Duyên	07/07/1991	Nữ	THCS Hà An	8.5	
348	Bùi Minh Hường	20/02/1986	Nữ	THCS Hà An	8.0	
349	Đàm Quang Ngọc	02/12/1987	Nam	THCS Hà An	8.0	
350	Đặng Thị Mai Thương	20/12/1988	Nữ	THCS Hà An	8.5	
351	Đào Hải Ninh	19/03/1982	Nữ	THCS Hà An	8.0	
352	Đinh Thị Huyền Trang	18/01/1990	Nữ	THCS Hà An	8.0	
353	Dương Thị Thảo	04/04/1988	Nữ	THCS Hà An	8.0	
354	Dương Thị Thuỷ	14/02/1979	Nữ	THCS Hà An	8.5	
355	Hà Thị Hồng Nhung	27/03/1981	Nữ	THCS Hà An	8.5	
356	Hứa Thị Hà Thu	30/08/1986	Nữ	THCS Hà An	8.5	
357	Ngô Thị Duyên	10/08/1992	Nữ	THCS Hà An	8.0	
358	Ngô Thị Nga	07/03/1990	Nữ	THCS Hà An	9.0	
359	Nguyễn La Điền	08/03/1976	Nam	THCS Hà An	8.5	
360	Nguyễn Minh Tâm	24/08/1990	Nữ	THCS Hà An	8.0	
361	Nguyễn Thanh Hương	31/12/1992	Nữ	THCS Hà An	9.0	
362	Nguyễn Thị Hải Hưng	12/06/1979	Nữ	THCS Hà An	8.0	
363	Nguyễn Thị Hương Thảo	20/08/1980	Nữ	THCS Hà An	8.0	
364	Nguyễn Thị Thêm	27/02/1991	Nữ	THCS Hà An	8.0	
365	Phạm Hoàng Anh	08/04/1980	Nam	THCS Hà An	8.0	
366	Phạm Kim Oanh	07/02/1982	Nữ	THCS Hà An	8.0	
367	Phạm Thị Ngọc Anh	2/6/1987	Nữ	THCS Hà An	8.0	
368	Phạm Thị Tuyết Mai	26/07/1973	Nữ	THCS Hà An	8.0	
369	Vũ Hữu Phương	20/06/1980	Nam	THCS Hà An	8.0	
370	Vũ Thị Loan	30/04/1987	Nữ	THCS Hà An	8.0	
371	Vũ Thị Thái Hường	22/07/1989	Nữ	THCS Hà An	8.0	
372	Vũ Thị Thuý Mùi	12/10/1981	Nữ	THCS Hà An	8.0	
373	Lê Thị Mai	31/3/1978	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
374	Nguyễn Quang Tỉnh	20/7/1979	Nam	THCS Liên Hòa	8.0	
375	Lê Thị Quyên	24/2/1987	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
376	Nguyễn Thị Thành	3/5/1989	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
377	Nguyễn Thị Hương	18/1/1990	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
378	Lê Thị Hoa	5/1/1989	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
379	Lâm Thị Hồng Thủy	28/8/1986	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
380	Vũ Thu Hương	4/8/1994	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
381	Nguyễn Thị Thu Hương	14/10/1994	Nữ	THCS Liên Hòa	9.0	
382	Dương Thị Hiền	12/9/1995	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
383	Phạm Thị Quỳnh Lương	20/9/1979	Nữ	THCS Liên Hòa	7.5	
384	Vũ Thị lan	2/1/1980	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
385	Nguyễn Thu Hương	16/10/1980	Nữ	THCS Liên Hòa	9.0	

386	Nguyễn Thị Hồng Quyết	13/8/1984	Nữ	THCS Liên Hòa	7.5	
387	Nguyễn Thị Thụy	1/2/1990	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
388	Vũ Thị Thúy An	3/7/1990	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
389	Lê Thu Hà	16/12/1989	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
390	Trần Thị Bích Hạnh	9/3/1976	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
391	Bùi Thị Thu Hà	23/2/1990	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
392	Trần Thành Long	21/12/1979	Nam	THCS Liên Hòa	8.0	
393	Ngô Thị Lan	4/9/1988	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
394	Ngô Thị Hà	10/5/1992	Nữ	THCS Liên Hòa	8.5	
395	Dương Thị Nhài	23/6/1995	Nữ	THCS Liên Hòa	8.0	
396	Phạm Thị Chương	23/03/1989	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
397	Ngô Quang Đích	23/03/1985	Nam	THCS Phong Cốc	9.0	
398	Vũ Thị Hà	04/07/1976	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
399	Nguyễn Văn Hanh	10/03/1980	Nam	THCS Phong Cốc	8.0	
400	Lê Thị Hậu	01/03/1984	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
401	Vũ Thị Thu Hiền	14/08/1990	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
402	Phạm Thị Liên	12/11/1988	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
403	Nguyễn Thị Thu Loan	04/07/1983	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
404	Vũ Thị Luyện	28/11/1990	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
405	Lưu Trà My	07/11/1994	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
406	Nguyễn Thị Oanh	02/11/1984	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
407	Ngô Việt Tiến	03/11/1991	Nam	THCS Phong Cốc	9.0	
408	Ngô Thị Tuyền	12/09/1980	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
409	Nguyễn Thị Vân Thanh	02/07/1982	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
410	Vũ Trọng Thêm	30/11/1977	Nam	THCS Phong Cốc	8.0	
411	Phạm Thị Thủy	10/05/1982	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
412	Đinh Thị Thanh Thúy	22/11/1992	Nữ	THCS Phong Cốc	9.0	
413	Mạc Thị Thúy	20/10/1997	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
414	Vũ Thị Vân	09/01/1996	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
415	Lê Quang Vinh	19/02/1978	Nam	THCS Phong Cốc	8.0	
416	Ngô Thị Yên	29/10/1987	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
417	Vũ Thị Yên	28/07/1980	Nữ	THCS Phong Cốc	8.0	
418	Lê Trọng Tùng	12/7/1974	Nam	TH& THCS Tiên Phong	8.0	
419	Lê Văn Thìn	4/1/1988	Nam	TH& THCS Tiên Phong	8.0	
420	Vũ Tiến Hương	1/10/1980	Nam	TH& THCS Tiên Phong	8.0	
421	Đặng Thùy Linh	25/5/1990	Nữ	TH& THCS Tiên Phong	8.0	
422	Nguyễn Thị Huy Hoàng	10/5/1983	Nữ	TH& THCS Tiên Phong	9.0	
423	Vũ Thị Hải	10/1/1986	Nữ	TH& THCS Tiên Phong	8.0	
424	Hoàng Thị Khuyên	18/8/1975	Nữ	THCS Tân An	8.0	
425	Phạm Thị Hoàng Yến	26/7/1977	Nữ	THCS Tân An	8.0	
426	Ngô Thị Thanh Thủy	8/3/1976	Nữ	THCS Tân An	8.0	
427	Mạc Thị Hồng Hạnh	13/10/1979	Nữ	THCS Tân An	8.5	
428	Lê Thị Thu Trang	20/11/1983	Nữ	THCS Tân An	8.0	
429	Phạm Thị Nam	17/2/1983	Nữ	THCS Tân An	8.5	
430	Phạm Thị Bích Thùy	9/9/1982	Nữ	THCS Tân An	8.5	
431	Đoàn Thúy Mơ	7/7/1974	Nữ	THCS Tân An	8.5	
432	Lê Thị Thúy	21/10/1981	Nữ	THCS Tân An	8.0	
433	Vũ Bình Yên	10/8/1991	Nữ	THCS Tân An	8.0	
434	Đông Thị Thu Hiền	23/12/1983	Nữ	THCS Tân An	8.0	

435	Ngô Thị Thu	5/5/1991	Nữ	THCS Tân An	8.5	
436	Nguyễn Thị Hồng Phượng	27/1/1995	Nữ	THCS Tân An	9.0	
437	Đinh Thị Phượng	21/3/1996	Nữ	THCS Tân An	8.0	
438	Đặng Thị Huyền	3/4/1994	Nữ	THCS Tân An	8.5	

Ấn định danh sách 438 ./.